

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG

Số: 2798 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sóc Trăng, ngày 20 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Điện gió Hòa Đông 2 thuê
225.780,3 m² đất để thực hiện Dự án đầu tư Nhà máy điện gió Hòa Đông 2

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng (Tờ trình số 2614/TTr-STNMT-CCQLĐĐ ngày 19/10/2021).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Điện gió Hòa Đông 2 thuê 225.780,3 m² đất thuộc 37 thửa đất (thửa đất số 642, 643, 644, 646, 647 và 648, tờ bản đồ số 06; thửa đất số 234, 236, 237, 238 và 239, tờ bản đồ số 02; thửa đất số 728, 729, 730, 731, 732 và 734, tờ bản đồ số 04; thửa đất số 1116, 1117, 1118, 1119, 1120, 1121, 1122, 1123, 1124, 1125, 1126, 1127 và 1128, tờ bản đồ số 05; thửa đất số 323, 324, 325, 326, 327, 328 và 329, tờ bản đồ số 08) tọa lạc tại xã Hòa Đông và phường Khánh Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng để thực hiện Dự án đầu tư Nhà máy điện gió Hòa Đông 2, với mục đích, thời hạn và hình thức sử dụng đất như sau:

1. Mục đích sử dụng đất: Đất công trình năng lượng (DNL).
2. Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 07/9/2070.
3. Hình thức thuê đất: Trả tiền thuê đất hàng năm.
4. Giá đất tính thu tiền thuê đất: Áp dụng theo quy định hiện hành.
(Kèm theo sơ đồ vị trí 37 thửa đất).

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Phối hợp các đơn vị liên quan triển khai Quyết định này; đồng thời, tiến hành bàn giao đất trên thực địa và ký hợp đồng thuê đất đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Điện gió Hòa Đông 2.

b) Trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Điện gió Hòa Đông 2 sau khi doanh nghiệp hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

c) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức chỉnh lý hồ sơ địa chính theo Điều 1 Quyết định này.

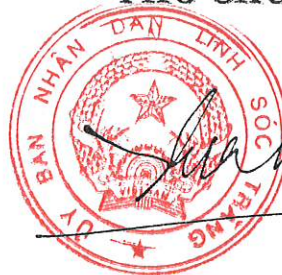
2. Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc thu tiền thuê đất đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Điện gió Hòa Đông 2 theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Điện gió Hòa Đông 2 căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vương Quốc Nam



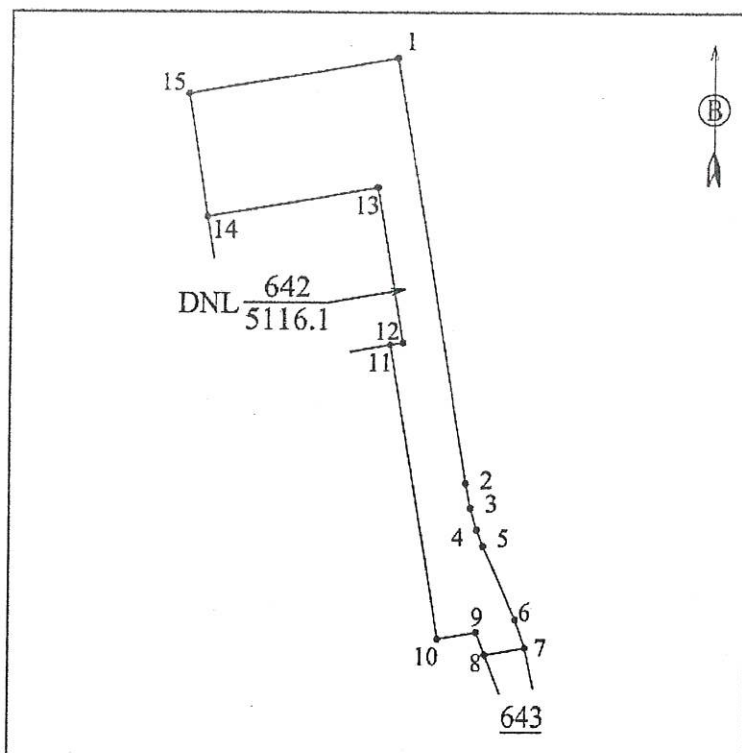
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 2798 /QĐ-UBND ngày 20 / 10 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 642, tờ bản đồ địa chính số 06, diện tích 5.116,1 m² đất.

Loại đất: Đất công trình năng lượng (DNL).

Tọa lạc tại khóm Kinh Mới Sóc, phường Khánh Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.



STT	Tọa độ		Chiều dài(m)
	X (m)	Y (m)	
1	1040668.40	558260.15	134.90
2	1040535.46	558283.06	7.87
3	1040527.74	558284.61	6.99
4	1040521.07	558286.68	5.60
5	1040515.89	558288.81	25.15
6	1040493.02	558299.28	9.57
7	1040484.04	558302.59	13.14
8	1040481.84	558289.63	7.73
9	1040489.04	558286.82	12.82
10	1040486.86	558274.18	93.28
11	1040578.79	558258.34	4.10
12	1040579.48	558262.38	49.00
13	1040627.77	558254.06	54.60
14	1040618.50	558200.26	39.00
15	1040656.93	558193.63	67.50
1	1040668.40	558260.15	

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Scan vẽ theo Mẫu trích đo địa chính thửa đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực hiện



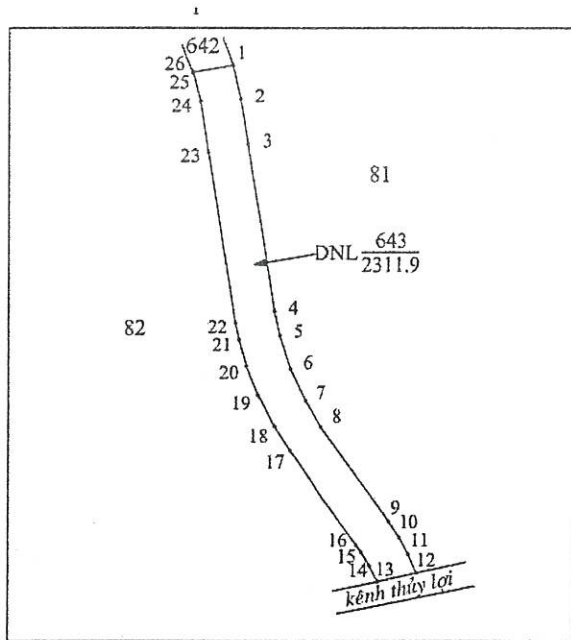
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 2798 /QĐ-UBND ngày 20 / 10 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 643, tờ bản đồ địa chính số 06, diện tích 2.311,9 m² đất.

Loại đất: Đất công trình năng lượng (DNL).

Tọa lạc tại khóm Kinh Mới Sóc, phường Khánh Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.



TT	Tọa độ		S (m)
	X (m)	Y (m)	
1	1040484.04	558302.59	11.16
2	1040473.17	558305.11	14.43
3	1040458.92	558307.42	54.44
4	1040405.19	558316.13	8.15
5	1040397.21	558317.81	11.49
6	1040386.30	558321.44	11.50
7	1040375.96	558326.47	9.83
8	1040367.72	558331.82	37.53
9	1040337.43	558353.97	6.16
10	1040332.33	558357.42	6.19
11	1040326.96	558360.49	6.69
12	1040320.90	558363.36	13.29
13	1040318.15	558350.35	5.71
14	1040323.21	558347.72	5.21
15	1040327.63	558344.97	2.58
16	1040329.74	558343.49	37.59
17	1040360.08	558321.29	9.36
18	1040367.89	558316.13	11.32
19	1040377.92	558310.89	10.10
20	1040387.32	558307.20	8.78
21	1040395.76	558304.78	5.62
22	1040401.27	558303.62	55.56
23	1040456.11	558294.71	16.51
24	1040472.41	558292.05	9.41
25	1040481.53	558289.75	0.33
26	1040481.84	558289.63	13.14
1	1040484.04	558302.59	

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Scan vẽ theo Mảnh trích đo địa
chính thửa đất do Trung tâm Phát
triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực
hiện



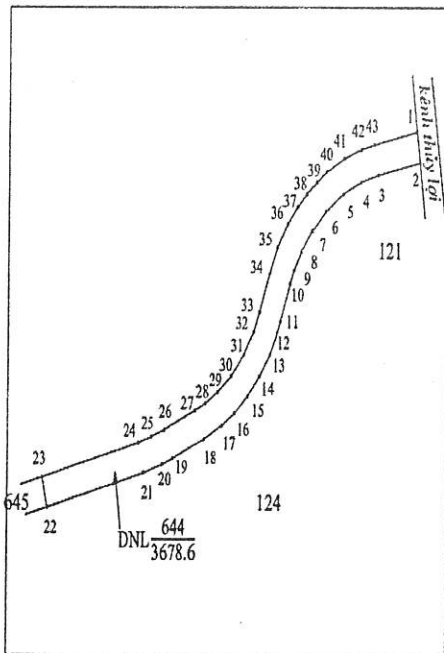
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 2798 /QĐ-UBND ngày 20 / 10 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 644, tờ bản đồ địa chính số 06, diện tích 3.678,6 m² đất.

Loại đất: Đất công trình năng lượng (DNL).

Tọa lạc tại khóm Kinh Mới Sóc, phường Khánh Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.



TT	Tọa độ		S (m)
	X (m)	Y (m)	
1	1040384.98	558711.24	13.02
2	1040372.09	558713.09	26.14
3	1040366.84	558687.49	10.68
4	1040363.91	558677.22	11.89
5	1040358.85	558666.46	12.67
6	1040351.55	558656.11	11.57
7	1040343.34	558647.95	10.29
8	1040335.00	558641.92	8.92
9	1040327.12	558637.73	6.28
10	1040321.29	558635.40	16.87
11	1040305.35	558629.85	4.77
12	1040300.89	558628.15	10.45
13	1040291.51	558623.56	10.62
14	1040282.64	558617.72	10.71
15	1040274.52	558610.74	10.71
16	1040267.37	558602.77	9.11
17	1040262.14	558595.31	11.94

18	1040256.58	558584.75	19.91
19	1040248.59	558566.50	7.13
20	1040245.94	558559.89	11.88
21	1040242.46	558548.53	59.75
22	1040228.00	558490.55	13.00
23	1040240.66	558487.58	59.57
24	1040255.08	558545.39	8.41
25	1040257.45	558553.45	8.43
26	1040260.51	558561.31	19.84
27	1040268.46	558579.48	6.34
28	1040271.26	558585.17	8.94
29	1040276.06	558592.71	10.30
30	1040282.73	558600.56	11.57
31	1040291.50	558608.11	11.41
32	1040301.25	558614.03	9.03
33	1040309.56	558617.55	16.91
34	1040325.54	558623.11	11.77
35	1040336.35	558627.76	11.93
36	1040346.53	558633.98	9.01
37	1040353.56	558639.61	7.50
38	1040358.92	558644.85	7.46
39	1040363.76	558650.52	7.39
40	1040368.03	558656.55	12.04
41	1040373.80	558667.12	10.89
42	1040377.65	558677.31	7.76
43	1040379.57	558684.84	26.95
1	1040384.98	558711.24	

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Scan vẽ theo Mảnh trích đo địa
chính thửa đất do Trung tâm Phát
triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực
hiện



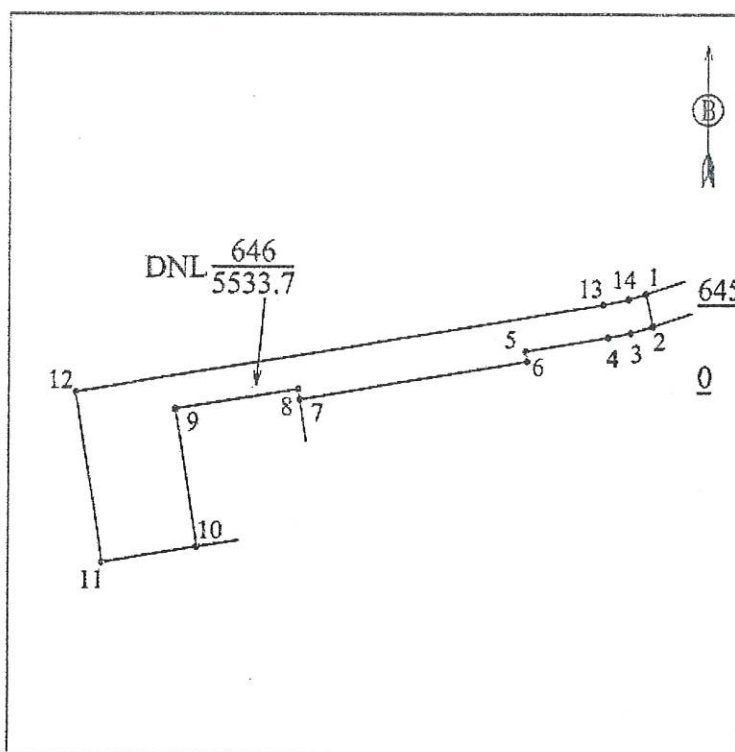
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 2798 /QĐ-UBND ngày 20 / 10 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 646, tờ bản đồ địa chính số 06, diện tích 5.533,7 m² đất.

Loại đất: Đất công trình năng lượng (DNL).

Tọa lạc tại khóm Lắm Thiết, phường Khánh Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.



STT	Tọa độ		Chiều dài(m)
	X (m)	Y (m)	
1	1040178.06	558324.44	13.05
2	1040165.35	558327.43	9.42
3	1040162.72	558318.38	9.16
4	1040160.89	558309.41	34.44
5	1040155.41	558275.41	4.00
6	1040151.46	558276.04	93.28
7	1040136.62	558183.95	4.10
8	1040140.67	558183.30	49.00
9	1040132.88	558134.92	54.60
10	1040078.97	558143.61	39.00
11	1040072.77	558105.11	67.50
12	1040139.41	558094.37	215.66
13	1040173.72	558307.29	10.19
14	1040175.85	558317.25	7.53
1	1040178.06	558324.44	

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Scan vẽ theo Mảnh trích đo địa
chính thửa đất do Trung tâm Phát
triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực
hiện



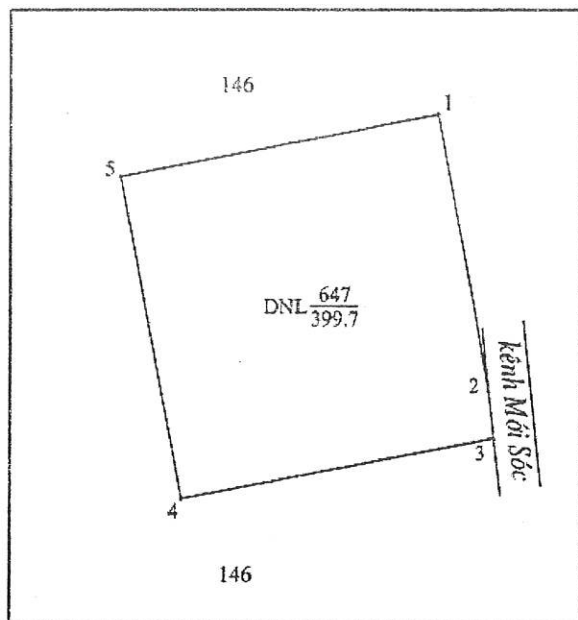
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 2798 /QĐ-UBND ngày 20 / 10 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 647, tờ bản đồ địa chính số 06, diện tích 399,7 m² đất.

Loại đất: Đất công trình năng lượng (DNL).

Tọa lạc tại khóm Lắm Thiệt, phường Khánh Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.



TT	Tọa độ		S (m)
	X (m)	Y (m)	
1	1040073.81	558793.01	17.16
2	1040056.96	558796.24	2.85
3	1040054.12	558796.55	19.78
4	1040050.41	558777.13	20.00
5	1040070.05	558773.37	20.00
1	1040073.81	558793.01	

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Scan vẽ theo Mảnh trích đo địa
chính thửa đất do Trung tâm Phát
triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực
hiện



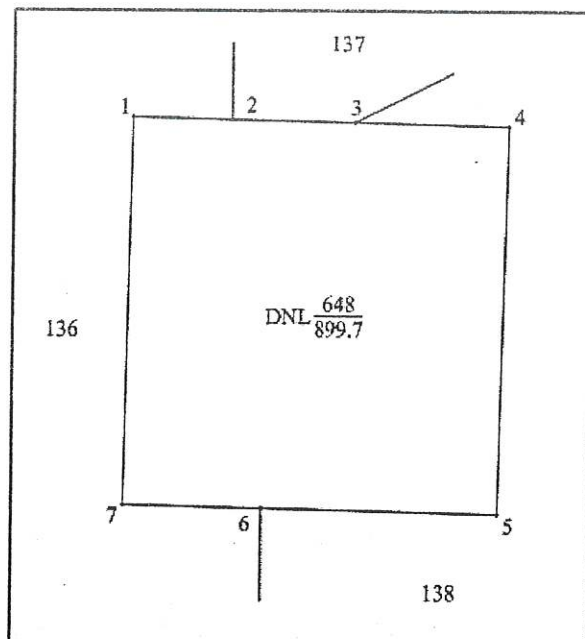
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 2798 /QĐ-UBND ngày 20 / 10 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 648, tờ bản đồ địa chính số 06, diện tích 899,7 m² đất.

Loại đất: Đất công trình năng lượng (DNL).

Tọa lạc tại khóm Lắm Thiết, phường Khánh Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.



TT	Tọa độ		S (m)
	X (m)	Y (m)	
1	1040023.71	558489.76	8.20
2	1040023.53	558497.96	9.61
3	1040023.31	558507.57	12.21
4	1040023.04	558519.77	29.98
5	1039993.07	558519.09	18.70
6	1039993.48	558500.40	11.30
7	1039993.73	558489.09	29.98
1	1040023.71	558489.76	

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Scan vẽ theo Mảnh trích đo địa
chính thửa đất do Trung tâm Phát
triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực
hiện



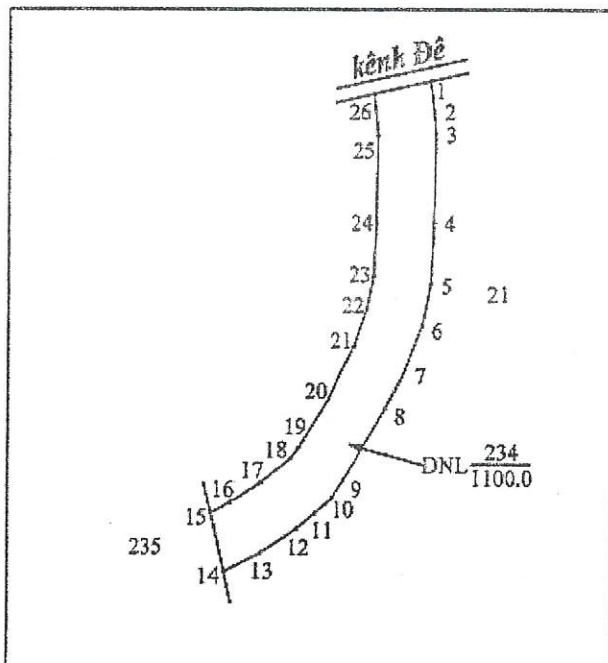
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 2798 /QĐ-UBND ngày 20 / 10 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 234, tờ bản đồ địa chính số 02, diện tích 1.100 m² đất.

Loại đất: Đất công trình năng lượng (DNL).

Tọa lạc tại ấp Giầy Lãng, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.



TT	Tọa độ		S (m)
	X (m)	Y (m)	
1	1044924.88	561729.26	6.17
2	1044918.77	561730.05	4.06
3	1044914.72	561730.32	16.73
4	1044897.99	561730.13	11.51
5	1044886.50	561729.52	8.16
6	1044878.50	561727.88	8.72
7	1044870.35	561724.78	8.44
8	1044862.80	561720.99	15.88
9	1044849.20	561712.81	4.13
10	1044845.85	561710.38	4.44
11	1044842.98	561707.00	4.55
12	1044840.10	561703.48	8.01
13	1044835.59	561696.86	7.87
14	1044831.81	561689.95	11.42
15	1044842.96	561687.48	4.24
16	1044845.02	561691.19	6.76
17	1044848.83	561696.77	7.13

TT	Tọa độ		S (m)
	X (m)	Y (m)	
18	1044853.39	561702.25	2.52
19	1044855.43	561703.74	11.03
20	1044864.76	561709.61	11.08
21	1044874.63	561714.64	7.50
22	1044881.65	561717.31	6.43
23	1044887.95	561718.60	10.12
24	1044898.05	561719.13	16.52
25	1044914.58	561719.31	7.97
26	1044922.50	561718.49	11.02
1	1044924.88	561729.26	

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Scan vẽ theo Mẫu trích đo địa chính thửa đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực hiện



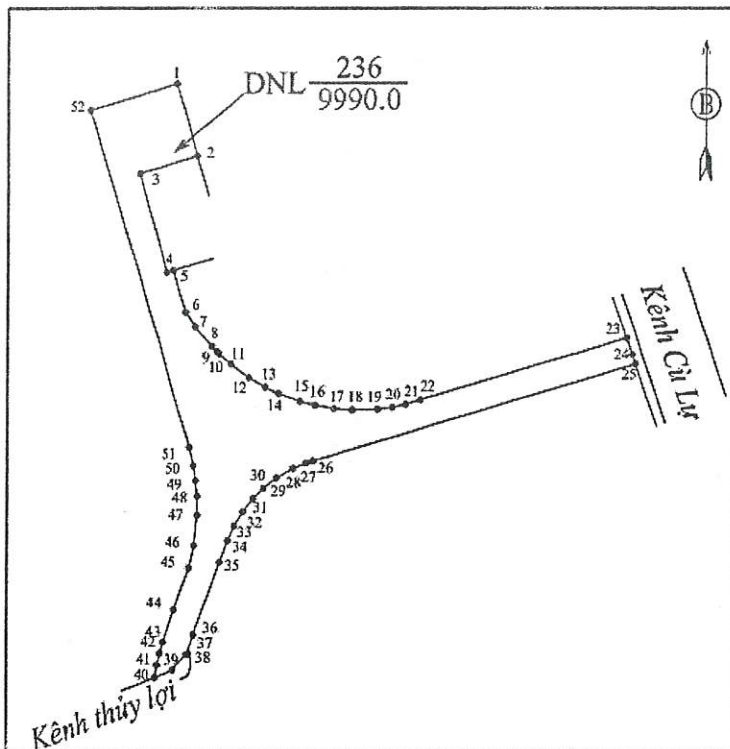
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 2798 /QĐ-UBND ngày 20 / 10 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 236, tờ bản đồ địa chính số 02, diện tích 9.990 m² đất.

Loại đất: Đất công trình năng lượng (DNL).

Tọa lạc tại ấp Giầy Lãng, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.



STT	Tọa độ		Chiều dài(m)
	X (m)	Y (m)	
1	1044904.37	561104.95	35.72
2	1044870.02	561114.74	29.55
3	1044861.53	561086.43	49.09
4	1044814.33	561099.88	3.43
5	1044815.31	561103.17	20.89
6	1044795.30	561109.17	8.49
7	1044788.33	561114.02	12.22
8	1044779.07	561122.00	3.56
9	1044776.57	561124.53	1.78
10	1044775.35	561125.83	7.21
11	1044770.66	561131.30	10.94
12	1044764.33	561140.21	9.20
13	1044759.78	561148.21	7.39
14	1044756.67	561154.91	11.08
15	1044752.96	561165.35	7.35
16	1044751.14	561172.47	

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Scan vẽ theo Mảnh trích đo địa
chính thửa đất do Trung tâm Phát
triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực
hiện

Thửa đất số 236, tờ bản đồ địa chính số 02, diện tích 9.990 m² đất.

STT	Tọa độ		Chiều dài(m)
	X (m)	Y (m)	
17	1044749.62	561181.47	9.12
18	1044748.94	561190.46	9.01
19	1044749.31	561202.82	12.37
20	1044750.19	561209.67	6.91
21	1044751.50	561216.33	6.78
22	1044753.75	561224.09	8.08
23	1044783.08	561325.59	105.65
24	1044775.15	561328.41	8.42
25	1044770.83	561330.04	4.61
26	1044724.72	561171.55	165.07
27	1044723.69	561168.32	3.38
28	1044721.11	561162.06	6.77
29	1044716.57	561154.05	9.20
30	1044711.63	561147.58	8.15
31	1044706.74	561142.56	7.00
32	1044700.42	561137.46	8.13
33	1044693.58	561133.25	8.03
34	1044686.43	561129.99	7.86

35	1044676.04	561126.21	11.05
36	1044641.53	561113.71	36.70
37	1044641.48	561113.69	0.06
38	1044632.13	561110.38	9.92
39	1044624.72	561103.65	10.00
40	1044621.18	561094.86	9.48
41	1044627.16	561095.76	6.06
42	1044632.71	561097.02	5.69
43	1044638.10	561098.65	5.63
44	1044653.57	561104.25	16.46
45	1044673.38	561111.26	21.02
46	1044684.01	561113.83	10.94
47	1044698.64	561115.43	14.71
48	1044707.85	561115.33	9.21
49	1044715.17	561114.65	7.35
50	1044722.37	561113.43	7.31
51	1044731.14	561111.21	9.05
52	1044891.67	561062.55	167.74
1	1044904.37	561104.95	44.26



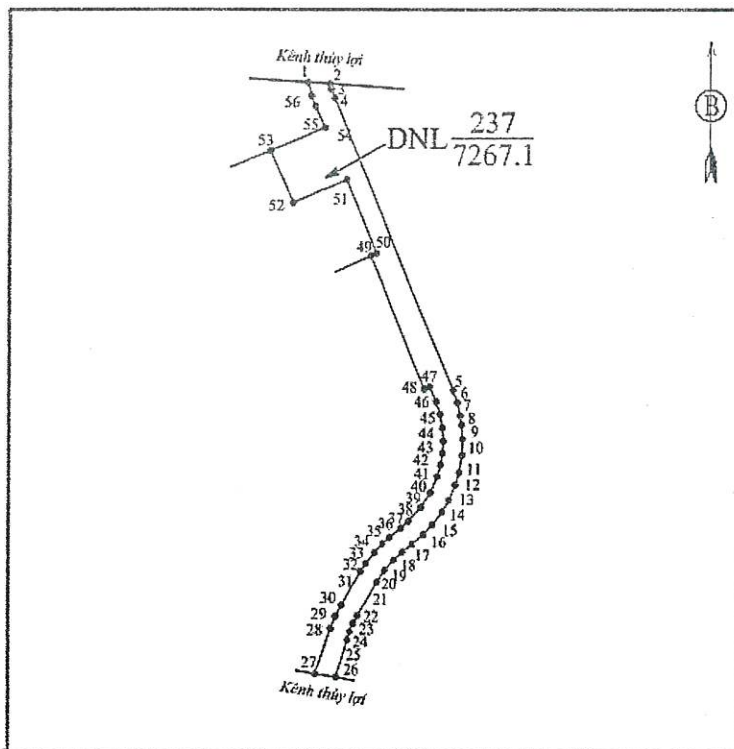
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 2798 /QĐ-UBND ngày 20 / 10 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 237, tờ bản đồ địa chính số 02, diện tích 7.267,1 m² đất.

Loại đất: Đất công trình năng lượng (DNL).

Tọa lạc tại ấp Giầy Lãng, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.



STT	Tọa độ		Chiều dài(m)
	X (m)	Y (m)	
1	1044595.88	561096.15	13.68
2	1044594.95	561109.80	3.56
3	1044591.51	561110.70	5.88
4	1044586.01	561112.79	204.65
5	1044398.07	561193.77	8.34
6	1044390.25	561196.68	8.59
7	1044381.94	561198.84	5.85
8	1044376.18	561199.82	8.92
9	1044367.28	561200.52	10.58
10	1044356.71	561200.10	11.50
11	1044345.38	561198.13	8.36
12	1044337.37	561195.73	10.65
13	1044327.59	561191.52	9.02
14	1044319.79	561187.00	10.32
15	1044311.52	561180.82	8.63
16	1044305.24	561174.91	

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Scan vẽ theo Mảnh trích đo địa
chính thửa đất do Trung tâm Phát
triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực
hiện

Thửa đất số 237, tờ bản đồ địa chính số 02, diện tích 7.267,1 m² đất.

STT	Tọa độ		Chiều dài(m)		STT	Tọa độ		Chiều dài(m)
	X (m)	Y (m)				X (m)	Y (m)	
17	1044298.97	561167.54	9.67		54	1044566.95	561106.85	37.47
18	1044293.93	561160.85	8.37		55	1044580.87	561100.85	15.16
19	1044288.87	561154.85	7.85		56	1044587.44	561098.36	7.02
20	1044282.11	561148.60	9.20		1	1044595.88	561096.15	8.72
21	1044274.63	561143.30	9.17					
22	1044253.05	561130.06	25.32					
23	1044248.14	561127.31	5.62					
24	1044243.04	561124.97	5.61					
25	1044237.78	561123.05	5.60					
26	1044213.95	561115.42	25.02					
27	1044216.16	561102.48	13.13					
28	1044244.88	561111.74	30.18					
29	1044252.54	561114.98	8.32					
30	1044259.83	561118.96	8.30					
31	1044281.43	561132.22	25.35					
32	1044286.59	561135.66	6.20					
33	1044293.85	561141.55	9.35					
34	1044299.37	561147.06	7.79					
35	1044303.38	561151.80	6.21					
36	1044309.31	561159.65	9.84					
37	1044313.82	561165.05	7.03					
38	1044322.82	561173.23	12.16					
39	1044332.35	561179.34	11.33					
40	1044342.95	561183.90	11.54					
41	1044350.42	561185.96	7.74					
42	1044358.05	561187.17	7.72					
43	1044365.69	561187.54	7.66					
44	1044374.46	561186.93	8.79					
45	1044382.88	561185.28	8.58					
46	1044390.78	561182.71	8.31					
47	1044400.47	561178.58	10.53					
48	1044398.88	561174.90	4.00					
49	1044484.55	561137.99	93.28					
50	1044486.15	561141.72	4.05					
51	1044533.62	561121.27	51.68					
52	1044518.77	561086.80	37.53					
53	1044552.12	561072.43	36.32					



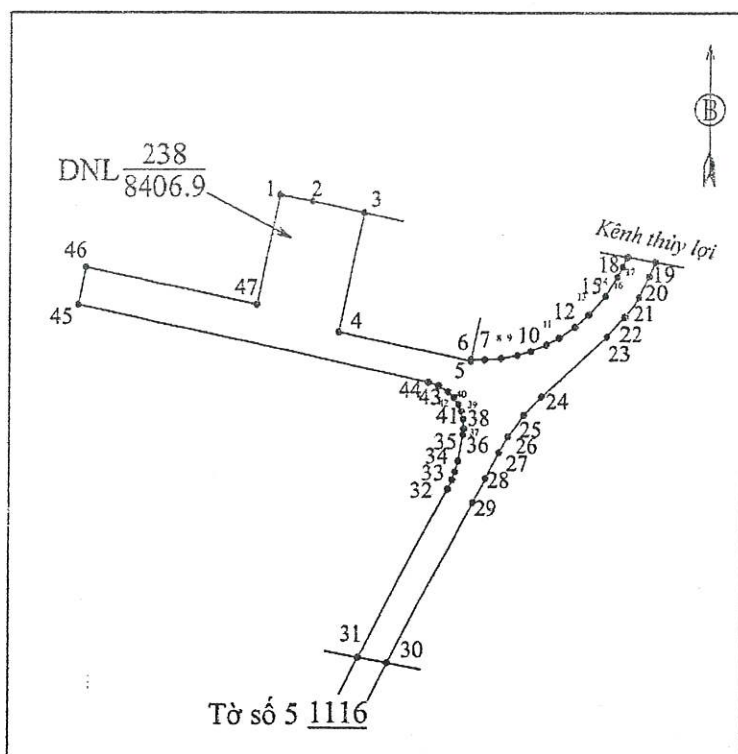
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 2798 /QĐ-UBND ngày / 10 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 238, tờ bản đồ địa chính số 02, diện tích 8.406,9 m² đất.

Loại đất: Đất công trình năng lượng (DNL).

Tọa lạc tại ấp Giầy Lãng, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.



STT	Tọa độ		Chiều dài(m)
	X (m)	Y (m)	
1	1044236.76	560939.91	15.63
2	1044234.03	560955.30	24.37
3	1044228.94	560979.14	54.32
4	1044175.81	560967.81	61.42
5	1044163.00	561027.88	0.68
6	1044163.67	561028.02	6.22
7	1044163.53	561034.24	7.58
8	1044164.10	561041.79	7.66
9	1044165.50	561049.32	6.42
10	1044167.31	561055.48	7.69
11	1044170.20	561062.61	6.38
12	1044173.18	561068.25	8.83
13	1044178.13	561075.56	8.32
14	1044183.55	561081.88	11.51
15	1044191.89	561089.80	10.31
16	1044200.38	561095.65	

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Scan vẽ theo Mảnh trích đo địa
chính thửa đất do Trung tâm Phát
triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực
hiện

Thửa đất số 238, tờ bản đồ địa chính số 02, diện tích 8.406,9 m² đất.

STT	Tọa độ		Chiều dài(m)
	X (m)	Y (m)	
17	1044204.92	561098.09	5.15
18	1044209.31	561100.02	4.79
19	1044207.08	561113.09	13.26
20	1044200.57	561110.42	7.03
21	1044191.20	561105.28	10.69
22	1044182.57	561098.97	10.70
23	1044173.84	561090.53	12.14
24	1044147.04	561060.53	40.23
25	1044138.76	561052.39	11.61
26	1044129.43	561045.33	11.69
27	1044122.29	561041.09	8.31
28	1044110.69	561034.90	13.14
29	1044099.87	561029.12	12.27
30	1044028.26	560990.91	81.17
31	1044030.76	560977.51	13.63
32	1044105.99	561017.65	85.27
33	1044110.04	561019.59	4.49
34	1044113.65	561020.95	3.86
35	1044118.58	561022.33	5.12
36	1044130.36	561024.54	11.99
37	1044132.97	561024.84	2.63
38	1044137.12	561024.62	4.15
39	1044140.63	561023.74	3.62
40	1044143.67	561022.37	3.33
41	1044146.75	561020.27	3.73
42	1044149.36	561017.67	3.69
43	1044152.05	561013.46	4.99
44	1044153.55	561009.05	4.66
45	1044187.92	560847.84	164.83
46	1044204.55	560851.39	17.00
47	1044187.90	560929.49	79.85
1	1044236.76	560939.91	49.96



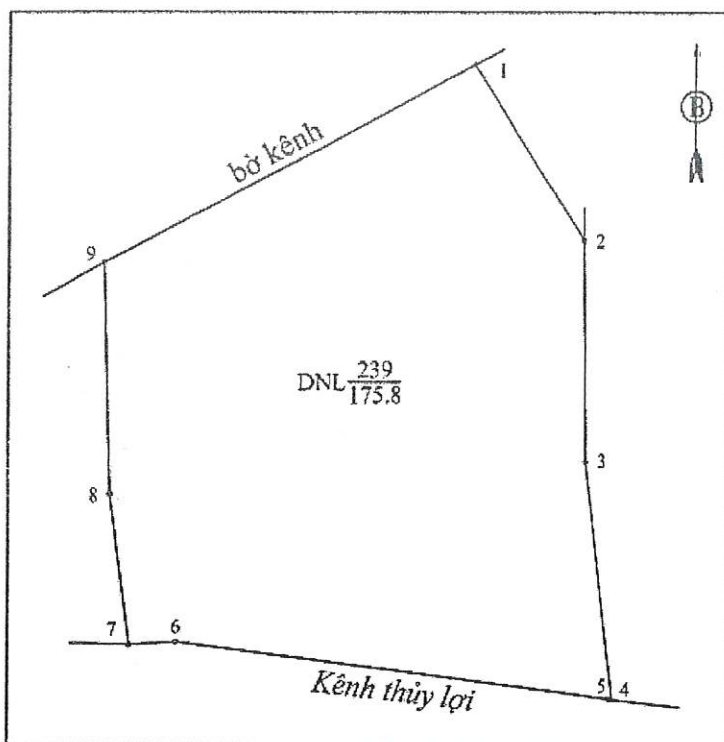
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 2798 /QĐ-UBND ngày 20 / 10 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 239, tờ bản đồ địa chính số 02, diện tích 175,8 m² đất.

Loại đất: Đất công trình năng lượng (DNL).

Tọa lạc tại ấp Giầy Lãng, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.



STT	Tọa độ		Chiều dài(m)
	X (m)	Y (m)	
1	1044618.50	561104.44	5.55
2	1044613.83	561107.44	5.89
3	1044607.95	561107.50	6.36
4	1044601.64	561108.33	0.10
5	1044601.65	561108.22	11.99
6	1044603.15	561096.33	1.28
7	1044603.08	561095.05	4.04
8	1044607.09	561094.53	6.17
9	1044613.25	561094.37	11.35
1	1044618.50	561104.44	

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Scan vẽ theo Mẫu trích đo địa chính thửa đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực hiện



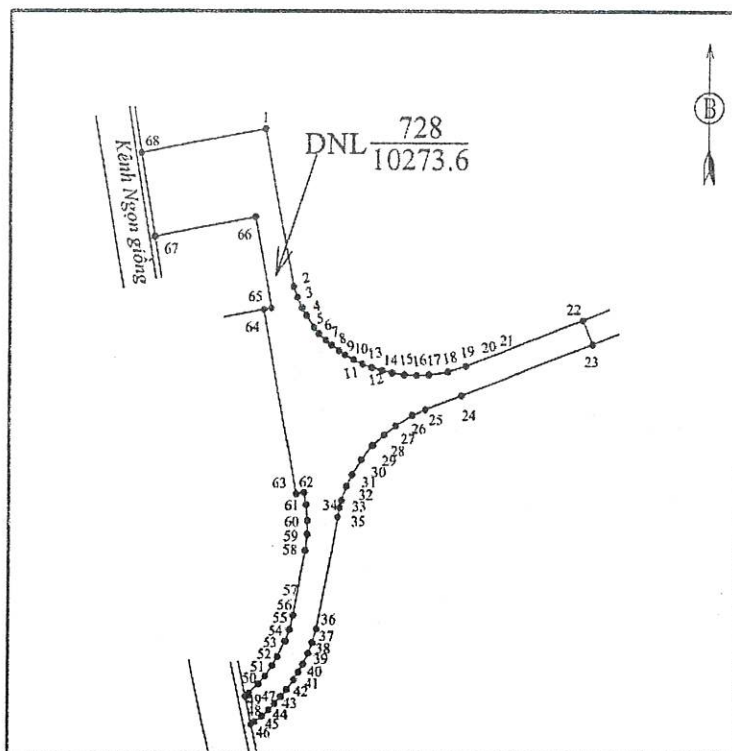
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 2798 /QĐ-UBND ngày 20 / 10 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 728, tờ bản đồ địa chính số 04, diện tích 10.273,6 m² đất.

Loại đất: Đất công trình năng lượng (DNL).

Tọa lạc tại ấp Giày Lăng, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.



STT	Tọa độ		Chiều dài(m)
	X (m)	Y (m)	
1	1042886.65	559843.65	79.57
2	1042808.46	559858.36	5.71
3	1042803.11	559860.35	5.73
4	1042797.90	559862.75	4.30
5	1042794.13	559864.81	7.16
6	1042788.12	559868.71	4.02
7	1042785.00	559871.24	4.76
8	1042781.73	559874.70	3.62
9	1042779.41	559877.48	4.90
10	1042776.50	559881.42	3.72
11	1042774.48	559884.54	5.01
12	1042772.03	559888.91	5.05
13	1042769.88	559893.48	5.09
14	1042768.05	559898.23	5.11
15	1042766.57	559903.12	5.12
16	1042765.44	559908.11	

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Scan vẽ theo Mảnh trích đo địa
chính thửa đất do Trung tâm Phát
triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực
hiện

Thửa đất số 728, tờ bản đồ địa chính số 04, diện tích 10.273,6 m² đất.

STT	Tọa độ		Chiều dài(m)
	X (m)	Y (m)	
17	1042764.56	559914.43	6.38
18	1042764.25	559920.76	6.34
19	1042764.51	559927.04	6.28
20	1042766.05	559936.77	9.86
21	1042768.83	559945.91	9.55
22	1042791.69	560005.89	64.18
23	1042779.77	560011.12	13.02
24	1042754.09	559943.73	72.11
25	1042747.09	559925.37	19.65
26	1042744.17	559918.74	7.24
27	1042739.12	559910.27	9.87
28	1042734.49	559904.33	7.53
29	1042729.20	559898.88	7.60
30	1042722.30	559893.27	8.89
31	1042714.78	559888.60	8.85
32	1042709.14	559885.89	6.26
33	1042702.18	559883.35	7.40
34	1042698.67	559882.37	3.65
35	1042693.98	559881.36	4.80
36	1042638.48	559871.26	56.42
37	1042631.60	559869.23	7.17
38	1042626.15	559867.14	5.84
39	1042620.78	559864.63	5.92
40	1042616.85	559862.48	4.49
41	1042613.01	559860.11	4.52
42	1042608.06	559856.60	6.06
43	1042604.52	559853.72	4.57
44	1042601.13	559850.65	4.57
45	1042597.91	559847.39	4.58
46	1042594.89	559843.97	4.57
47	1042592.06	559840.39	4.56
48	1042590.72	559838.54	2.28
49	1042604.72	559835.46	14.33
50	1042606.41	559837.42	2.58
51	1042610.93	559842.03	6.46
52	1042614.84	559845.40	5.16
53	1042620.04	559849.18	6.42

[illegible]



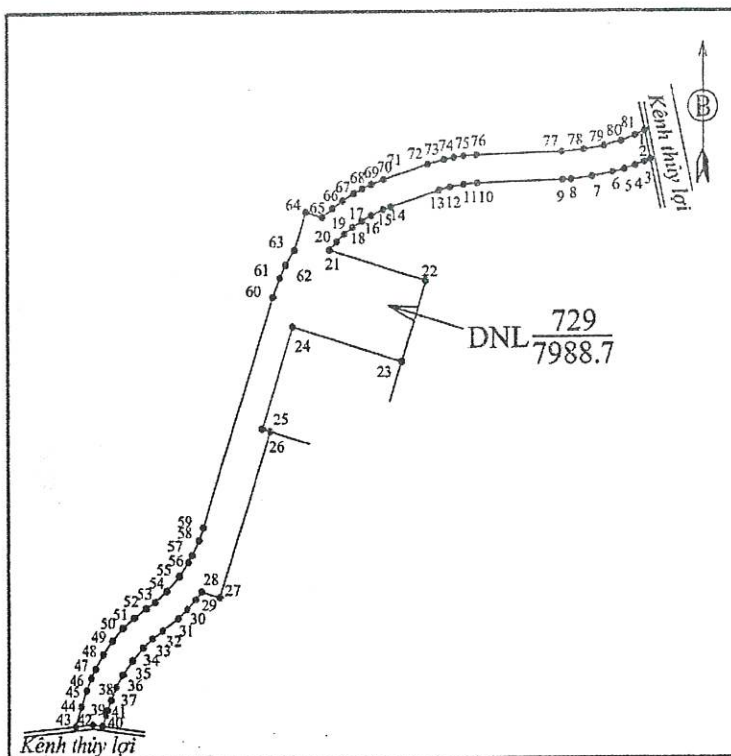
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 2798 /QĐ-UBND ngày 20 / 10 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 729, tờ bản đồ địa chính số 04, diện tích 7.988,7 m² đất.

Loại đất: Đất công trình năng lượng (DNL).

Tọa lạc tại ấp Càng Buổi, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.



STT	Tọa độ		Chiều dài(m)
	X (m)	Y (m)	
1	1042596.82	559823.71	13.46
2	1042583.64	559826.44	3.15
3	1042582.34	559823.58	4.39
4	1042580.71	559819.50	5.77
5	1042578.89	559814.02	5.67
6	1042577.49	559808.53	10.60
7	1042575.56	559798.10	9.91
8	1042574.32	559788.27	4.00
9	1042574.11	559784.28	40.46
10	1042572.81	559743.84	6.78
11	1042572.27	559737.08	6.74
12	1042571.09	559730.44	5.39
13	1042569.69	559725.24	24.24
14	1042562.05	559702.24	3.84
15	1042560.71	559698.64	6.45
16	1042558.01	559692.79	

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Scan vẽ theo Mảnh trích đo địa
chính thửa đất do Trung tâm Phát
triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực
hiện

Thửa đất số 729, tờ bản đồ địa chính số 04, diện tích 7.988,7 m² đất.

STT	Tọa độ		Chiều dài(m)
	X (m)	Y (m)	
17	1042555.45	559688.28	5.18
18	1042552.57	559683.96	5.19
19	1042549.37	559679.88	5.18
20	1042545.90	559676.06	5.16
21	1042542.19	559672.53	5.13
22	1042527.84	559718.80	48.44
23	1042490.45	559707.21	39.15
24	1042506.58	559655.15	54.50
25	1042459.78	559640.64	49.00
26	1042458.62	559644.38	3.91
27	1042382.20	559620.70	80.00
28	1042384.87	559612.09	9.02
29	1042381.28	559609.20	4.60
30	1042376.74	559605.04	6.16
31	1042372.52	559600.53	6.16
32	1042366.85	559593.28	9.22
33	1042363.24	559588.51	5.99
34	1042359.18	559584.17	5.94
35	1042353.30	559579.11	7.75
36	1042346.87	559574.72	7.79
37	1042341.17	559571.62	6.49
38	1042335.24	559569.07	6.46
39	1042330.60	559567.33	4.96
40	1042328.20	559566.47	2.54
41	1042323.32	559564.83	5.15
42	1042324.00	559560.04	4.84
43	1042323.13	559551.04	9.03
44	1042332.35	559554.15	9.74
45	1042339.79	559556.89	7.92
46	1042345.45	559559.26	6.14
47	1042349.58	559561.31	4.61
48	1042356.21	559565.24	7.70
49	1042362.44	559569.76	7.69
50	1042368.19	559574.80	7.66
51	1042373.03	559579.95	7.06
52	1042377.32	559585.55	7.06
53	1042380.30	559589.59	5.02

[illegible]



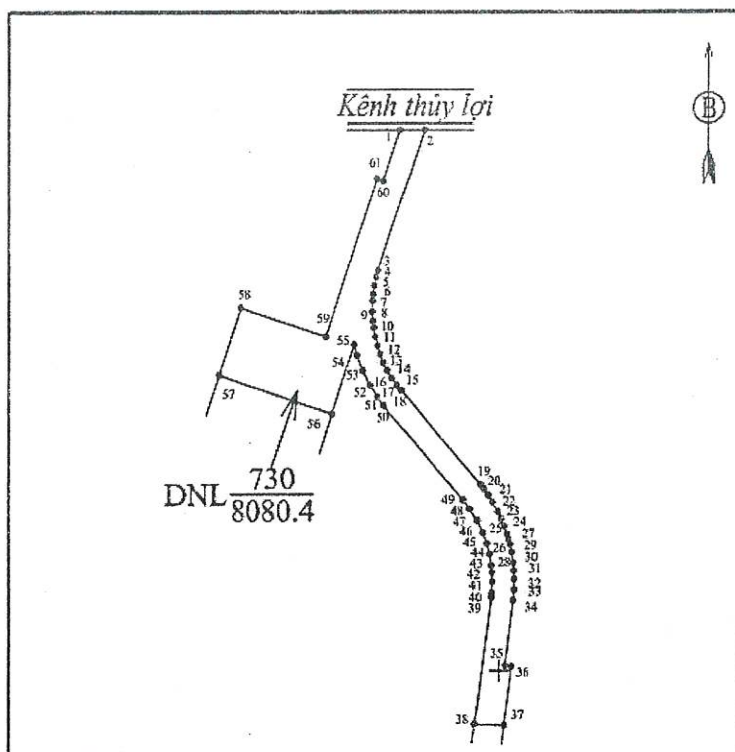
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 2798 /QĐ-UBND ngày 20 / 10 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 730, tờ bản đồ địa chính số 04, diện tích 8.080,4 m² đất.

Loại đất: Đất công trình năng lượng (DNL).

Tọa lạc tại ấp Càng Bưởi, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.



STT	Tọa độ		Chiều dài(m)
	X (m)	Y (m)	
1	1042301.93	559543.90	13.71
2	1042301.92	559557.61	82.98
3	1042223.30	559531.08	3.61
4	1042219.84	559530.07	4.87
5	1042215.09	559529.00	4.94
6	1042210.21	559528.25	3.74
7	1042206.48	559527.91	6.29
8	1042200.20	559527.79	5.06
9	1042195.14	559528.11	3.81
10	1042191.36	559528.58	5.08
11	1042186.37	559529.54	5.08
12	1042181.46	559530.86	5.06
13	1042176.68	559532.51	5.03
14	1042172.07	559534.50	4.98
15	1042167.65	559536.79	4.92
16	1042163.44	559539.36	

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Scan vẽ theo Mảnh trích đo địa chính thửa đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực hiện

Thửa đất số 730, tờ bản đồ địa chính số 04, diện tích 8.080,4 m² đất.

STT	Tọa độ		Chiều dài(m)
	X (m)	Y (m)	
17	1042159.49	559542.17	4.85
18	1042156.69	559544.43	3.59
19	1042104.02	559589.18	69.12
20	1042101.73	559591.06	2.96
21	1042098.17	559593.72	4.45
22	1042094.43	559596.21	4.49
23	1042089.21	559599.24	6.04
24	1042085.13	559601.27	4.56
25	1042080.92	559603.07	4.58
26	1042076.61	559604.65	4.59
27	1042073.69	559605.57	3.06
28	1042070.73	559606.38	3.06
29	1042066.26	559607.39	4.59
30	1042060.23	559608.34	6.10
31	1042055.70	559608.77	4.55
32	1042051.18	559608.94	4.52
33	1042045.21	559608.79	5.98
34	1042039.33	559608.22	5.90
35	1042003.00	559603.39	36.65
36	1042002.48	559607.36	4.00
37	1041969.58	559602.99	33.19
38	1041970.01	559585.89	17.10
39	1042041.04	559595.33	71.66
40	1042043.51	559595.62	2.48
41	1042049.77	559595.94	6.27
42	1042054.85	559595.79	5.08
43	1042058.67	559595.44	3.84
44	1042065.02	559594.37	6.43
45	1042071.26	559592.72	6.45
46	1042077.31	559590.51	6.45
47	1042084.23	559587.15	7.69
48	1042090.67	559583.11	7.60
49	1042095.59	559579.29	6.23
50	1042148.28	559534.52	69.14
51	1042153.05	559530.75	6.08
52	1042159.43	559526.53	7.65
53	1042167.58	559522.25	9.20

[illegible]



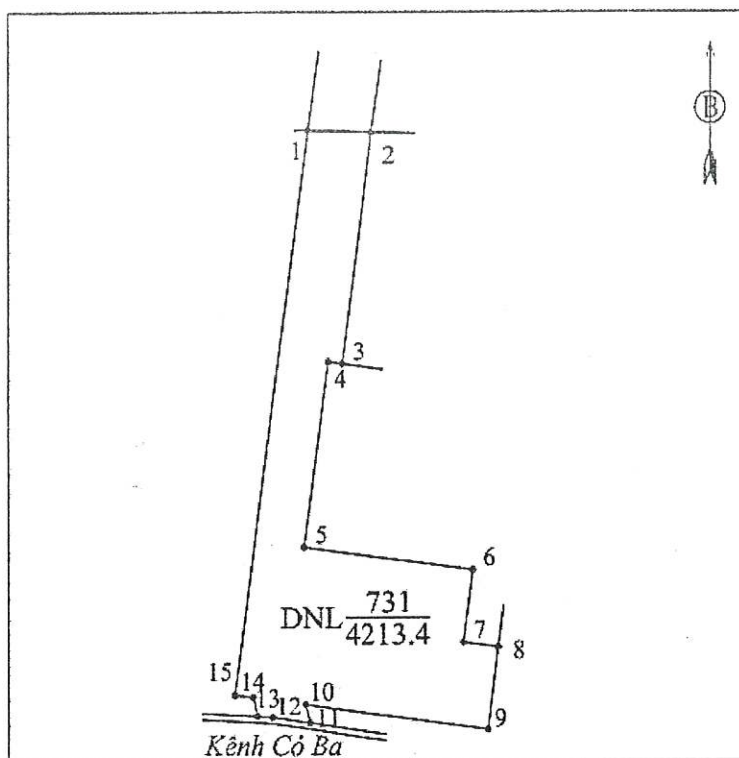
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 2798 /QĐ-UBND ngày 20 / 10 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 731, tờ bản đồ địa chính số 04, diện tích 4.213,4 m² đất.

Loại đất: Đất công trình năng lượng (DNL).

Tọa lạc tại ấp Càng Buồi, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.



STT	Tọa độ		Chiều dài(m)
	X (m)	Y (m)	
1	1041970.01	559585.89	17.10
2	1041969.58	559602.99	60.09
3	1041910.01	559595.07	4.00
4	1041910.54	559591.10	48.00
5	1041862.96	559584.78	45.00
6	1041857.02	559629.39	18.76
7	1041838.43	559626.92	9.50
8	1041837.18	559636.33	21.24
9	1041816.12	559633.53	48.69
10	1041822.54	559585.27	4.79
11	1041817.88	559586.39	9.85
12	1041819.30	559576.65	4.03
13	1041819.52	559572.63	4.99
14	1041824.37	559571.46	4.87
15	1041825.02	559566.63	146.27
1	1041970.01	559585.89	

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Scan vẽ theo Mảnh trích đo địa chính thửa đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực hiện



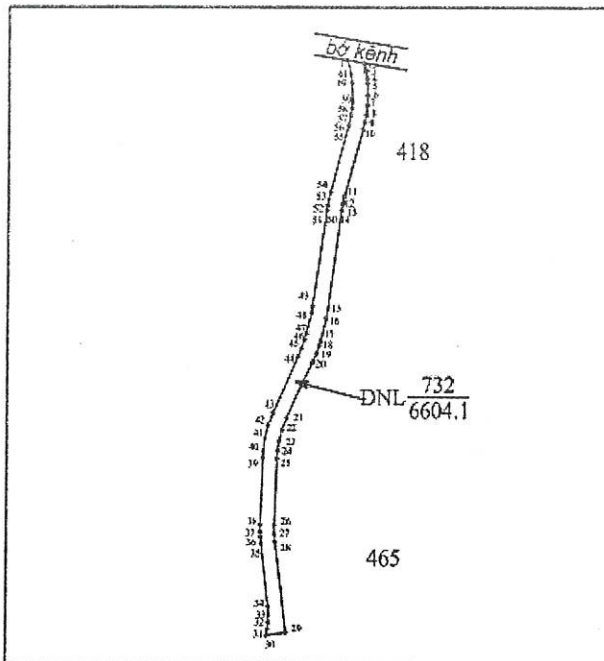
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 2798 /QĐ-UBND ngày 20 / 10 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 732, tờ bản đồ địa chính số 04, diện tích 6.604,1 m² đất.

Loại đất: Đất công trình năng lượng (DNL).

Tọa lạc tại ấp Càng Buổi, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.



TT	Tọa độ		S (m)
	X (m)	Y (m)	
1	1041798.69	559577.65	14.08
2	1041796.49	559591.55	7.43
3	1041789.23	559593.12	6.32
4	1041782.98	559594.08	4.23
5	1041778.78	559594.53	10.59
6	1041768.20	559594.96	8.48
7	1041759.72	559594.59	8.46
8	1041751.32	559593.59	6.32
9	1041745.11	559592.43	6.26
10	1041739.02	559590.95	59.58
11	1041681.61	559575.03	6.39
12	1041675.39	559573.53	5.60
13	1041669.87	559572.59	0.01
14	1041669.86	559572.58	85.72
15	1041584.96	559560.75	9.36
16	1041575.75	559559.07	19.65
17	1041556.59	559554.68	4.34

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Scan vẽ theo Mảnh trích đo địa
chính thửa đất do Trung tâm Phát
triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực
hiện

Thửa đất số 732, tờ bản đồ địa chính số 04, diện tích 6.604,1 m² đất.

TT	Tọa độ		S (m)
	X (m)	Y (m)	
18	1041552.42	559553.49	6.50
19	1041546.26	559551.40	8.66
20	1041538.26	559548.07	52.96
21	1041490.18	559525.89	10.96
22	1041480.00	559521.82	9.96
23	1041470.38	559519.25	8.29
24	1041462.19	559517.97	6.58
25	1041455.63	559517.50	57.43
26	1041398.22	559515.64	6.96
27	1041391.26	559515.69	6.92
28	1041384.37	559516.29	78.83
29	1041306.17	559526.27	17.69
30	1041303.24	559508.83	5.67
31	1041308.80	559509.96	6.06
32	1041314.82	559510.65	7.08
33	1041321.90	559510.81	6.84
34	1041328.71	559510.28	54.46
35	1041382.74	559503.40	5.95
36	1041388.66	559502.82	3.98
37	1041392.63	559502.63	5.99
38	1041398.63	559502.65	57.47
39	1041456.07	559504.51	5.64
40	1041461.70	559504.85	11.43
41	1041473.01	559506.52	11.45
42	1041484.07	559509.48	11.39
43	1041494.67	559513.65	53.98
44	1041543.69	559536.26	7.68
45	1041550.79	559539.21	7.67
46	1041558.08	559541.61	5.76
47	1041563.66	559543.03	18.08
48	1041581.30	559546.96	5.51
49	1041586.74	559547.87	83.84
50	1041669.78	559559.45	0.02
51	1041669.80	559559.45	4.36
52	1041674.11	559560.08	4.51
53	1041678.54	559560.90	6.78
54	1041685.13	559562.51	59.48
55	1041742.44	559578.40	9.28
56	1041751.50	559580.44	5.61
57	1041757.05	559581.26	5.62
58	1041762.65	559581.77	7.51

TT	Tọa độ		S (m)
	X (m)	Y (m)	
59	1041770.15	559581.96	9.37
60	1041779.51	559581.40	7.46
61	1041786.89	559580.33	12.10
I	1041798.69	559577.65	



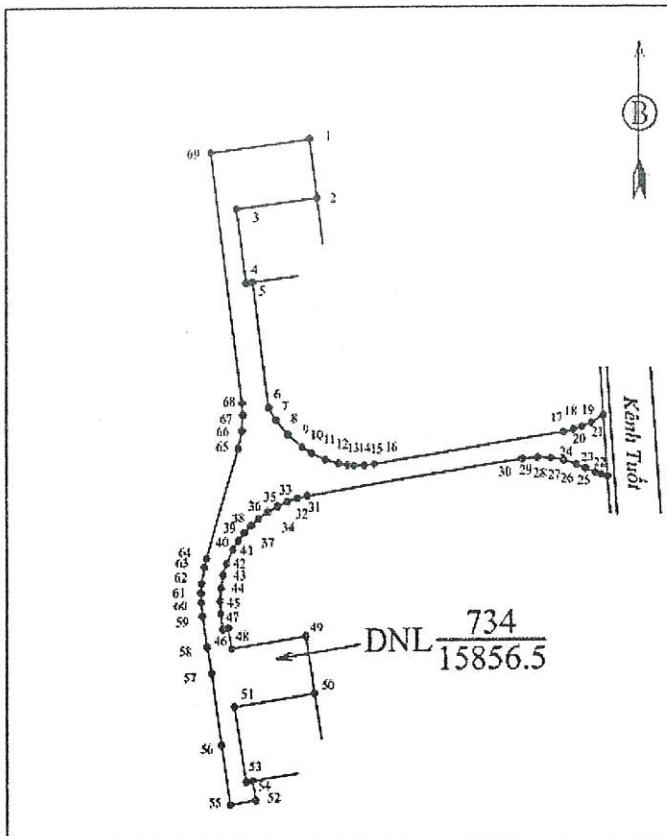
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 2798 /QĐ-UBND ngày 20 / 10 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 734, tờ bản đồ địa chính số 04, diện tích 15.856,5 m² đất.

Loại đất: Đất công trình năng lượng (DNL).

Tọa lạc tại ấp Càng Buồi, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.



STT	Tọa độ		Chiều dài(m)
	X (m)	Y (m)	
1	1041444.09	559278.49	39.00
2	1041405.42	559283.58	54.50
3	1041398.32	559229.54	49.00
4	1041349.74	559235.93	4.00
5	1041350.26	559239.90	83.46
6	1041267.52	559250.77	9.48
7	1041259.37	559255.63	12.31
8	1041249.91	559263.50	12.66
9	1041241.77	559273.21	7.70
10	1041237.73	559279.76	10.27
11	1041233.50	559289.11	10.18
12	1041230.71	559298.90	6.27
13	1041229.71	559305.09	4.95
14	1041229.31	559310.02	7.28
15	1041229.36	559317.30	7.12
16	1041230.14	559324.37	

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Scan vẽ theo Mảnh trích đo địa
chính thửa đất do Trung tâm Phát
triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực
hiện

Thửa đất số 734, tờ bản đồ địa chính số 04, diện tích 15.856,5 m² đất.

STT	Tọa độ		Chiều dài(m)
	X (m)	Y (m)	
17	1041250.77	559452.00	129.28
18	1041252.19	559458.69	6.84
19	1041253.93	559464.31	5.88
20	1041256.71	559471.01	7.26
21	1041261.63	559479.67	9.96
22	1041221.53	559482.53	40.20
23	1041222.66	559478.05	4.62
24	1041224.02	559473.70	4.56
25	1041226.78	559466.69	7.54
26	1041229.38	559460.70	6.53
27	1041232.04	559452.21	8.89
28	1041233.60	559443.40	8.95
29	1041234.03	559434.48	8.93
30	1041233.13	559424.37	10.15
31	1041209.27	559276.73	149.55
32	1041207.85	559270.01	6.87
33	1041205.68	559263.23	7.12
34	1041202.73	559256.50	7.35
35	1041198.99	559249.95	7.54
36	1041194.47	559243.72	7.70
37	1041190.13	559238.88	6.50
38	1041185.33	559234.42	6.55
39	1041180.11	559230.42	6.58
40	1041174.55	559226.92	6.57
41	1041165.11	559222.50	10.42
42	1041157.78	559220.15	7.70
43	1041149.16	559218.48	8.78
44	1041140.68	559217.90	8.51
45	1041132.50	559218.32	8.19
46	1041122.14	559219.90	10.48
47	1041122.77	559223.85	4.00
48	1041109.53	559225.96	13.41
49	1041117.50	559275.83	50.50
50	1041079.97	559281.83	38.00
51	1041071.37	559228.01	54.50
52	1041022.00	559235.90	50.00
53	1041022.63	559239.85	4.00

[illegible]



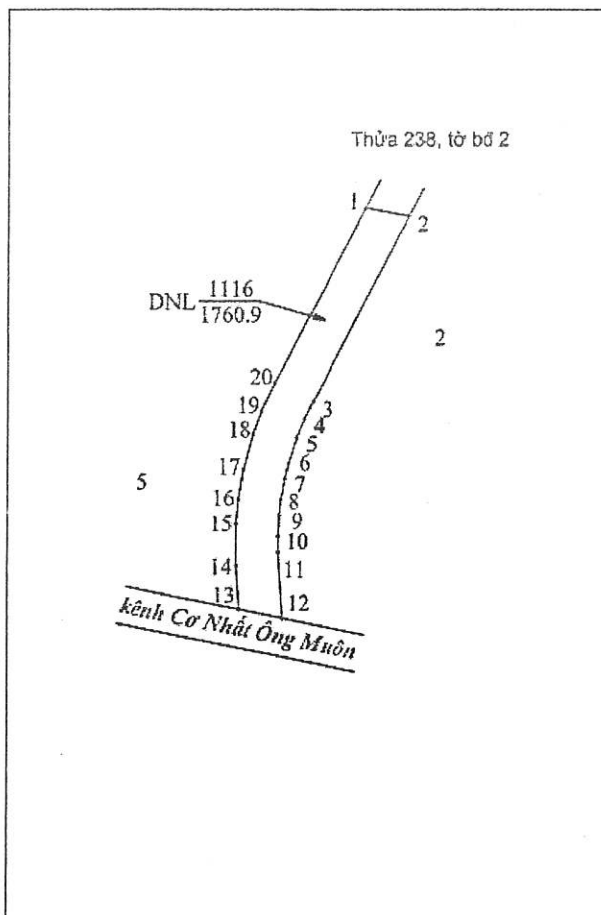
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 2798 /QĐ-UBND ngày 20 / 10 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 1116, tờ bản đồ địa chính số 05, diện tích 1.760,9 m² đất.

Loại đất: Đất công trình năng lượng (DNL).

Tọa lạc tại ấp Giầy Lãng, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.



TT	Tọa độ		S (m)
	X (m)	Y (m)	
1	1044030.76	560977.51	13.63
2	1044028.26	560990.91	62.77
3	1043972.88	560961.36	5.66
4	1043967.83	560958.81	6.30
5	1043962.03	560956.35	7.92
6	1043954.50	560953.87	4.77
7	1043949.88	560952.72	6.36
8	1043943.63	560951.57	4.76
9	1043938.90	560951.01	6.32
10	1043932.59	560950.67	4.71
11	1043927.88	560950.72	19.70
12	1043908.23	560952.09	13.47
13	1043910.82	560938.87	13.03
14	1043923.82	560937.92	12.63
15	1043936.44	560937.80	7.28
16	1043943.70	560938.46	9.13
17	1043952.69	560940.02	10.95
18	1043963.23	560942.97	7.26
19	1043970.02	560945.56	9.01
20	1043978.15	560949.43	59.63
1	1044030.76	560977.51	

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Scan vẽ theo Mảnh trích đo địa
chính thửa đất do Trung tâm Phát
triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực
hiện



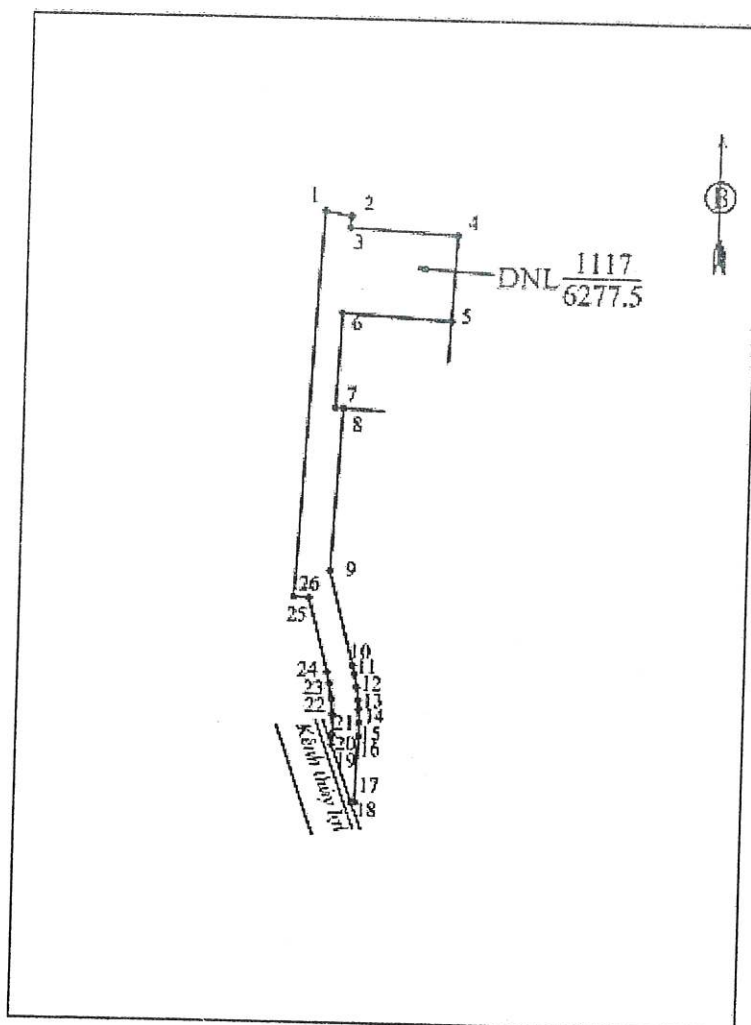
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 2798 /QĐ-UBND ngày 20 / 10 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 1117, tờ bản đồ địa chính số 05, diện tích 6.277,5 m² đất.

Loại đất: Đất công trình năng lượng (DNL).

Tọa lạc tại Giày Lãng, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.



STT	Tọa độ		Chiều dài(m)
	X (m)	Y (m)	
1	1043889.96	560939.10	13.06
2	1043887.84	560951.99	5.77
3	1043882.08	560951.66	54.18
4	1043878.99	561005.75	42.00
5	1043837.06	561003.36	54.50
6	1043840.16	560948.95	46.00
7	1043794.24	560946.34	4.00
8	1043794.01	560950.33	79.47
9	1043714.67	560945.81	47.59
10	1043668.71	560958.16	4.30
11	1043664.54	560959.21	6.51
12	1043658.16	560960.49	6.52
13	1043651.70	560961.40	4.35
14	1043647.37	560961.80	6.51
15	1043640.87	560962.09	6.52
16	1043634.35	560962.00	32.09
17	1043602.28	560960.65	1.40
18	1043601.91	560959.30	29.96
19	1043629.97	560948.80	5.17
20	1043635.14	560949.02	9.52
21	1043644.65	560948.95	7.61
22	1043652.23	560948.24	7.60
23	1043659.72	560946.96	5.69
24	1043665.25	560945.63	37.46
25	1043701.41	560935.81	7.77
26	1043701.85	560928.05	188.43
1	1043889.96	560939.10	

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Scan vẽ theo Mẫu trích đo địa
chính thửa đất do Trung tâm Phát
triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực
hiện



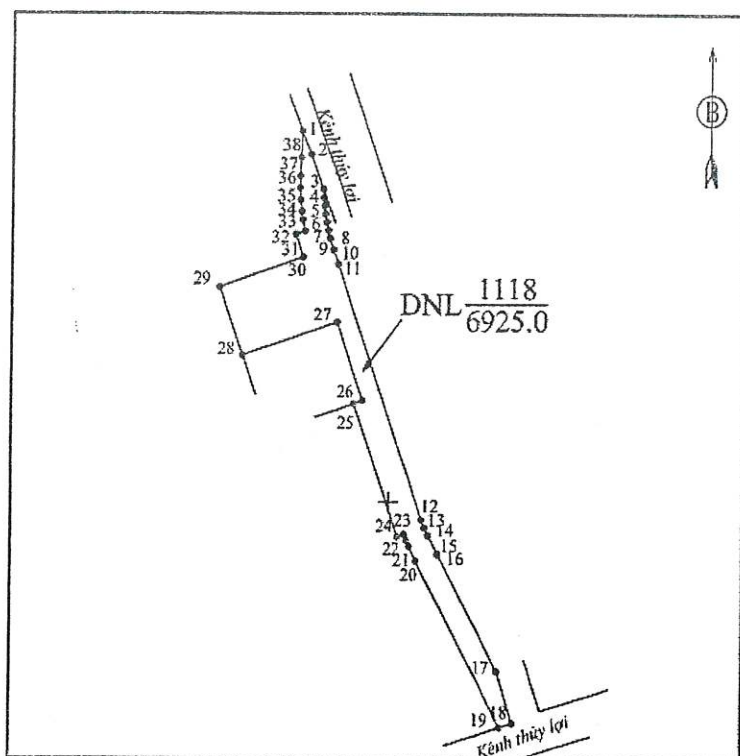
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 2798 /QĐ-UBND ngày 20 / 10 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 1118, tờ bản đồ địa chính số 05, diện tích 6.925 m² đất.

Loại đất: Đất công trình năng lượng (DNL).

Tọa lạc tại Giày Lăng, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.



STT	Tọa độ		Chiều dài(m)
	X (m)	Y (m)	
1	1043609.51	560947.94	14.00
2	1043596.38	560952.81	20.84
3	1043576.75	560959.80	5.01
4	1043571.75	560960.11	4.61
5	1043567.16	560960.53	4.61
6	1043562.58	560961.12	4.62
7	1043558.03	560961.89	4.61
8	1043553.51	560962.83	4.61
9	1043549.04	560963.95	6.89
10	1043542.44	560965.93	8.33
11	1043534.52	560968.50	153.51
12	1043389.91	561019.99	4.82
13	1043385.42	561021.77	4.82
14	1043381.07	561023.84	11.59
15	1043370.79	561029.20	0.04
16	1043370.75	561029.22	

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Scan vẽ theo Mảnh trích đo địa
chính thửa đất do Trung tâm Phát
triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực
hiện

Thửa đất số 1118, tờ bản đồ địa chính số 05, diện tích 6.925 m² đất.

STT	Tọa độ		Chiều dài(m)
	X (m)	Y (m)	
17	1043304.44	561064.32	75.03
18	1043275.20	561073.64	30.70
19	1043272.86	561066.30	7.70
20	1043366.85	561016.59	106.32
21	1043375.07	561012.31	9.27
22	1043378.44	561010.65	3.76
23	1043381.88	561009.15	3.75
24	1043380.51	561005.29	4.09
25	1043455.75	560978.50	79.87
26	1043457.61	560983.74	5.56
27	1043501.89	560967.98	47.00
28	1043483.09	560915.16	56.06
29	1043521.71	560901.41	41.00
30	1043538.65	560948.99	50.50
31	1043551.28	560944.49	13.41
32	1043553.18	560949.83	5.67
33	1043559.70	560948.48	6.66
34	1043564.10	560947.80	4.45
35	1043570.74	560947.09	6.68
36	1043577.40	560946.78	6.67
37	1043584.06	560946.87	6.66
38	1043594.80	560947.32	10.74
1	1043609.51	560947.94	14.73



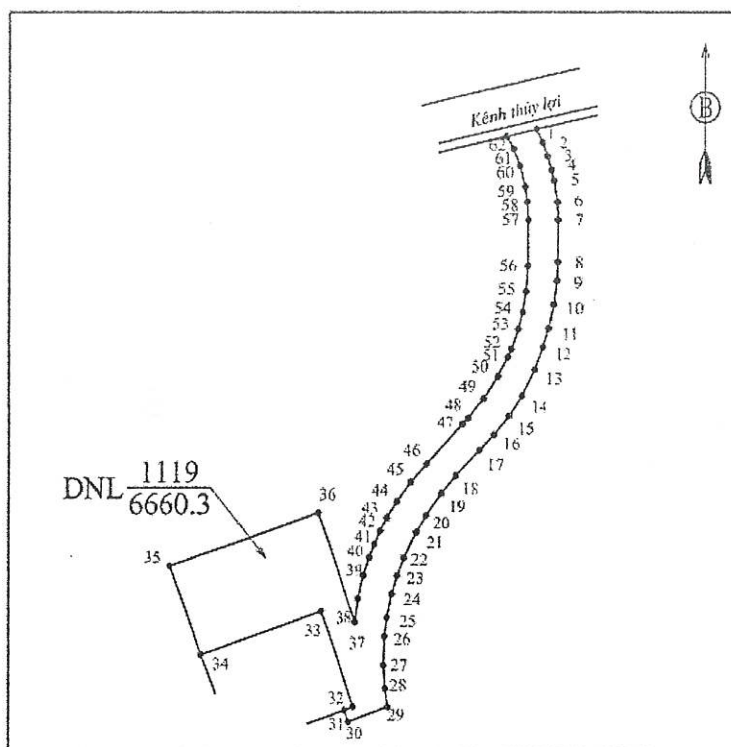
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 2798 /QĐ-UBND ngày 20 / 10 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 1119, tờ bản đồ địa chính số 05, diện tích 6.660,3 m² đất.

Loại đất: Đất công trình năng lượng (DNL).

Tọa lạc tại Giầy Lãng, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.



STT	Tọa độ		Chiều dài(m)
	X (m)	Y (m)	
1	1043268.16	561083.61	6.25
2	1043262.52	561086.29	6.13
3	1043256.80	561088.49	6.15
4	1043250.91	561090.27	4.62
5	1043246.42	561091.32	9.20
6	1043237.31	561092.65	7.58
7	1043229.74	561092.98	17.96
8	1043211.78	561092.95	8.05
9	1043203.74	561092.65	10.21
10	1043193.60	561091.45	10.31
11	1043183.51	561089.30	8.30
12	1043175.56	561086.92	10.39
13	1043165.89	561083.12	12.44
14	1043154.83	561077.43	10.30
15	1043146.20	561071.82	10.18
16	1043138.19	561065.52	

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Scan vẽ theo Mẫu trích đo địa
chính thửa đất do Trung tâm Phát
triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực
hiện

Thửa đất số 1119, tờ bản đồ địa chính số 05, diện tích 6.660,3 m² đất.

TT	Tọa độ		S (m)
	X (m)	Y (m)	
18	1043120.91	561049.15	9.77
19	1043113.57	561042.69	11.94
20	1043103.89	561035.69	8.07
21	1043096.96	561031.57	12.20
22	1043085.96	561026.28	8.18
23	1043078.30	561023.42	8.19
24	1043070.44	561021.12	10.21
25	1043060.44	561019.06	8.13
26	1043052.37	561018.07	12.07
27	1043040.31	561017.67	9.91
28	1043030.42	561018.31	7.80
29	1043022.69	561019.42	18.54
30	1043016.33	561002.01	5.32
31	1043021.34	561000.20	50.48
32	1043004.36	560952.66	83.06
33	1043082.58	560924.72	67.50
34	1043105.28	560988.28	49.54
35	1043058.63	561004.94	10.07
36	1043068.60	561006.37	10.18
37	1043078.51	561008.71	8.20
38	1043086.31	561011.24	6.17
39	1043092.04	561013.51	6.17
40	1043097.65	561016.09	6.17
41	1043103.11	561018.97	8.20
42	1043110.10	561023.25	10.18
43	1043118.32	561029.26	10.07
44	1043125.89	561035.90	23.35
45	1043142.73	561052.08	3.56
46	1043145.34	561054.50	10.80
47	1043153.77	561061.25	10.94
48	1043163.00	561067.13	9.18
49	1043171.20	561071.25	3.68
50	1043174.58	561072.69	9.19
51	1043183.25	561075.73	7.33
52	1043190.35	561077.58	9.09
53	1043199.30	561079.15	10.77
54	1043210.04	561079.93	19.69
55	1043229.73	561079.98	7.71
56	1043237.43	561079.57	6.47
57	1043243.82	561078.58	9.07
58	1043252.58	561076.19	7.74

TT	Tọa độ		S (m)
	X (m)	Y (m)	
59	1043261.37	561072.48	4.12
60	1043263.47	561071.98	11.955
1	1043268.16	561083.61	



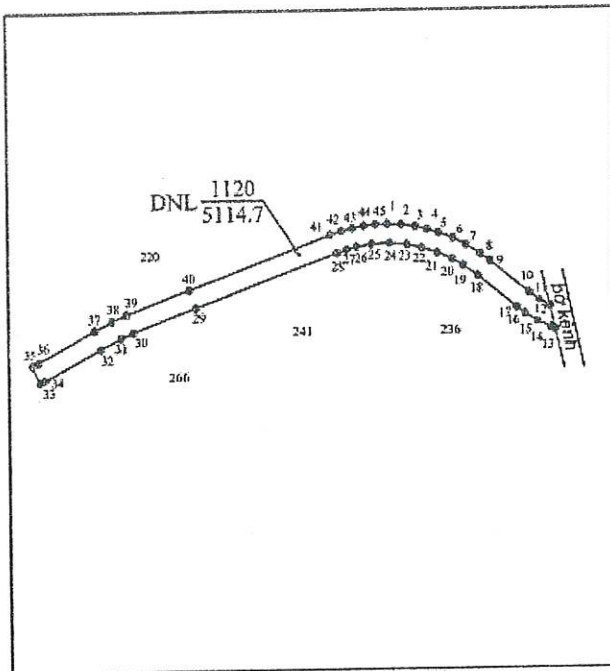
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 2798 /QĐ-UBND ngày 20 / 10 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 1120, tờ bản đồ địa chính số 05, diện tích 5.114,7 m² đất.

Loại đất: Đất công trình năng lượng (DNL).

Tọa lạc tại ấp Giây Lãng, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.



TT	Tọa độ		S (m)
	X (m)	Y (m)	
1	1042884.52	560252.71	10.31
2	1042884.04	560263.01	10.35
3	1042882.62	560273.26	8.27
4	1042880.81	560281.33	8.25
5	1042878.42	560289.22	10.24
6	1042874.66	560298.75	10.12
7	1042870.12	560307.79	11.93
8	1042863.75	560317.87	7.80
9	1042859.02	560324.08	34.51
10	1042837.19	560350.81	8.60
11	1042832.11	560357.75	8.40
12	1042827.91	560365.02	16.21
13	1042812.11	560368.65	3.19
14	1042813.29	560365.68	10.23
15	1042817.73	560356.46	10.13
16	1042823.10	560347.87	6.70
17	1042827.15	560342.54	34.44

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Scan vẽ theo Mảnh trích đo địa
chính thửa đất do Trung tâm Phát
triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực
hiện

Thửa đất số 1120, tờ bản đồ địa chính số 05, diện tích 5.114,7 m² đất.

TT	Tọa độ		S (m)
	X (m)	Y (m)	
18	1042848.95	560315.87	12.17
19	1042856.06	560306.00	8.88
20	1042860.47	560298.29	10.81
21	1042864.88	560288.42	10.93
22	1042868.23	560278.02	10.98
23	1042870.44	560267.26	12.79
24	1042871.51	560254.51	12.67
25	1042870.95	560241.85	10.70
26	1042869.23	560231.29	7.02
27	1042867.50	560224.50	6.91
28	1042865.33	560217.94	104.66
29	1042829.08	560119.76	46.44
30	1042812.99	560076.19	8.95
31	1042809.36	560068.00	15.42
32	1042802.22	560054.34	44.82
33	1042781.49	560014.61	3.89
34	1042779.85	560011.08	13.00
35	1042791.76	560005.86	4.92
36	1042793.88	560010.30	44.85
37	1042814.65	560050.05	13.46
38	1042820.88	560061.99	10.59
39	1042825.18	560071.66	46.58
40	1042841.31	560115.36	104.58
41	1042877.54	560213.46	7.78
42	1042879.98	560220.84	7.93
43	1042881.93	560228.53	8.04
44	1042883.37	560236.44	8.13
45	1042884.24	560244.52	8.20
1	1042884.52	560252.71	



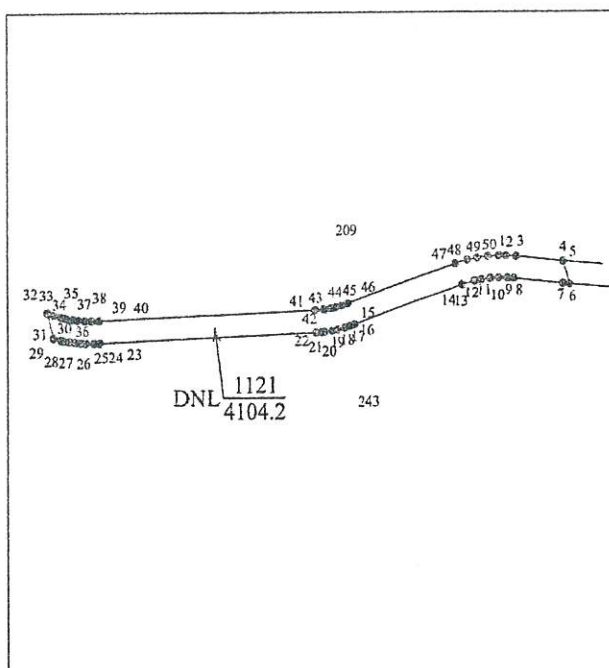
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 2798 /QĐ-UBND ngày 20/ 10 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 1121, tờ bản đồ địa chính số 05, diện tích 4.104,2 m² đất.

Loại đất: Đất công trình năng lượng (DNL).

Tọa lạc tại ấp Giầy Lãng, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.



TT	Tọa độ		S (m)
	X (m)	Y (m)	
1	1042856.44	560644.68	4.60
2	1042856.42	560649.28	6.16
3	1042856.00	560655.42	28.32
4	1042853.02	560683.58	13.96
5	1042839.64	560687.57	4.14
6	1042839.97	560683.44	0.01
7	1042839.97	560683.43	29.60
8	1042843.07	560654.00	3.85
9	1042843.37	560650.15	5.17
10	1042843.44	560644.99	5.18
11	1042843.12	560639.81	5.19
12	1042842.43	560634.67	3.88
13	1042841.66	560630.86	7.73
14	1042839.50	560623.44	69.32
15	1042816.52	560558.03	3.25
16	1042815.50	560554.95	3.25
17	1042814.61	560551.83	4.88

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Scan vẽ theo Mảnh trích đo địa
chính thửa đất do Trung tâm Phát
triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực
hiện

Thửa đất số 1121, tờ bản đồ địa chính số 05, diện tích 4.104,2 m² đất.

TT	Tọa độ		S (m)
	X (m)	Y (m)	
18	1042813.49	560547.07	3.26
19	1042812.91	560543.87	
20	1042812.26	560539.03	4.88
21	1042812.11	560537.41	1.63
22	1042811.91	560534.17	3.24
23	1042806.24	560405.44	128.85
24	1042806.15	560402.17	3.27
25	1042806.25	560397.15	5.03
26	1042806.46	560393.78	3.37
27	1042806.80	560390.41	3.39
28	1042807.27	560387.05	3.40
29	1042807.85	560383.69	3.41
30	1042808.19	560382.01	1.71
31	1042809.35	560377.24	4.91
32	1042824.11	560373.69	15.18
33	1042822.77	560377.60	4.14
34	1042821.58	560381.86	4.42
35	1042820.91	560384.72	2.94
36	1042820.11	560389.05	4.40
37	1042819.71	560391.95	2.92
38	1042819.31	560396.30	4.37
39	1042819.15	560400.63	4.33
40	1042819.23	560404.92	4.29
41	1042824.89	560533.60	128.81
42	1042825.35	560539.06	5.48
43	1042825.97	560543.13	4.12
44	1042826.52	560545.82	2.75
45	1042827.54	560549.81	4.12
46	1042828.78	560553.72	4.11
47	1042851.75	560619.10	69.30
48	1042853.96	560626.44	7.66
49	1042855.24	560632.45	6.14
50	1042856.06	560638.54	6.15
1	1042856.44	560644.68	6.15



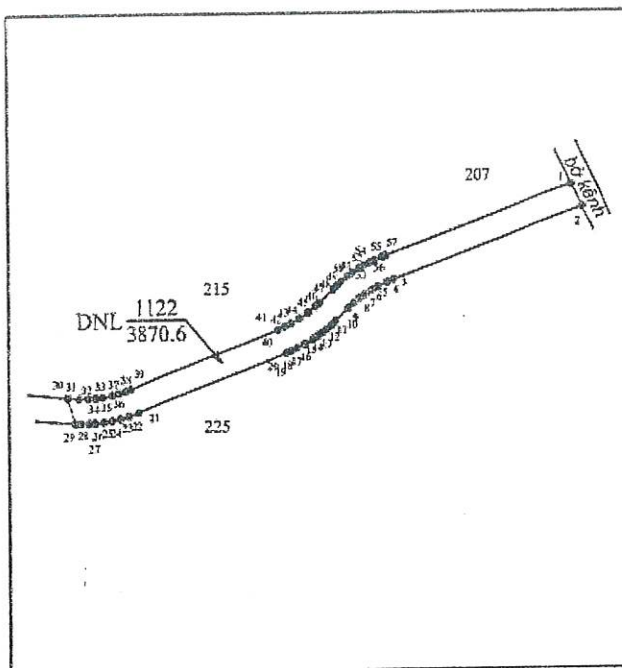
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 2798 /QĐ-UBND ngày 20 / 10 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 1122, tờ bản đồ địa chính số 05, diện tích 3.870,6 m² đất.

Loại đất: Đất công trình năng lượng (DNL).

Tọa lạc tại ấp Giầy Lãng, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.



TT	Tọa độ		S (m)
	X (m)	Y (m)	
1	1042961.87	560956.08	13.07
2	1042950.08	560961.71	109.08
3	1042913.35	560859.01	3.82
4	1042911.96	560855.45	5.11
5	1042909.81	560850.81	3.58
6	1042908.10	560847.66	4.11
7	1042905.95	560844.16	3.84
8	1042903.75	560841.01	3.83
9	1042901.39	560837.98	3.82
10	1042898.88	560835.11	10.11
11	1042892.02	560827.68	3.12
12	1042889.95	560825.34	3.13
13	1042887.96	560822.93	3.14
14	1042886.06	560820.43	3.14
15	1042884.25	560817.86	3.14
16	1042882.54	560815.22	4.71
17	1042880.16	560811.15	4.71

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Scan vẽ theo Mảnh trích đo địa
chính thửa đất do Trung tâm Phát
triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực
hiện

Thửa đất số 1122, tờ bản đồ địa chính số 05, diện tích 3.870,6 m² đất.

TT	Tọa độ		S (m)
	X (m)	Y (m)	
18	1042878.03	560806.96	3.13
19	1042876.74	560804.11	3.10
20	1042875.57	560801.24	84.92
21	1042845.05	560721.99	6.00
22	1042843.10	560716.31	4.53
23	1042841.90	560711.95	4.54
24	1042840.94	560707.51	4.55
25	1042840.22	560703.02	4.55
26	1042839.75	560698.50	3.03
27	1042839.57	560695.47	4.53
28	1042839.52	560690.94	3.01
29	1042839.61	560687.93	0.37
30	1042839.64	560687.57	13.96
31	1042853.02	560683.58	6.30
32	1042852.54	560689.86	5.09
33	1042852.56	560694.96	3.83
34	1042852.82	560698.78	3.84
35	1042853.29	560702.59	5.11
36	1042854.23	560707.61	3.82
37	1042855.18	560711.31	3.81
38	1042856.32	560714.94	2.53
39	1042857.18	560717.31	84.88
40	1042887.69	560796.52	3.97
41	1042889.22	560800.19	3.97
42	1042890.95	560803.76	5.30
43	1042893.58	560808.36	5.30
44	1042896.54	560812.75	5.28
45	1042899.83	560816.89	2.69
46	1042901.61	560818.90	10.06
47	1042908.43	560826.29	3.02
48	1042910.44	560828.55	3.03
49	1042912.37	560830.88	4.55
50	1042915.10	560834.51	3.04
51	1042916.82	560837.02	4.56
52	1042919.21	560840.90	3.04
53	1042920.69	560843.56	3.04
54	1042922.07	560846.27	3.03
55	1042923.35	560849.02	4.53
56	1042925.07	560853.22	1.47
57	1042925.58	560854.59	107.78
1	1042961.87	560956.08	



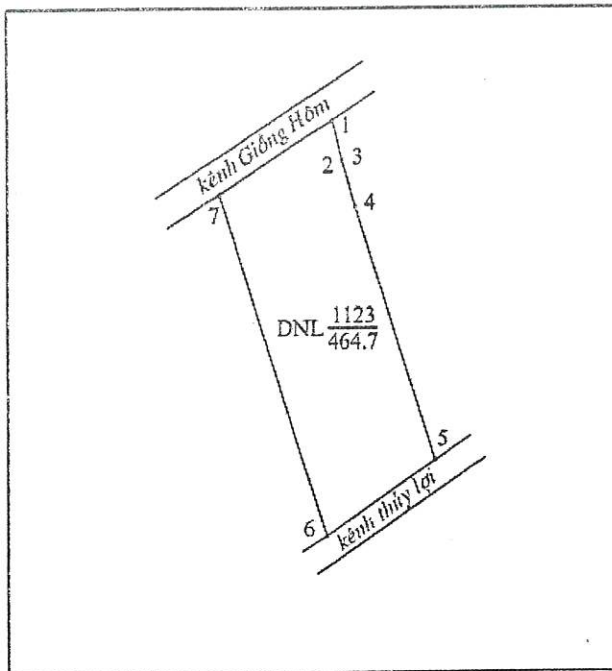
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 2798 /QĐ-UBND ngày 20 / 10 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 1123, tờ bản đồ địa chính số 05, diện tích 464,7 m² đất.

Loại đất: Đất công trình năng lượng (DNL).

Tọa lạc tại ấp Trà Teo, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.



TT	Tọa độ		S (m)
	X (m)	Y (m)	
1	1042598.78	561161.58	4.12
2	1042594.79	561162.62	0.02
3	1042594.78	561162.62	4.77
4	1042590.20	561163.95	26.82
5	1042564.68	561172.18	13.50
6	1042557.23	561160.92	35.90
7	1042591.40	561149.91	13.81
1	1042598.78	561161.58	

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Scan vẽ theo Mảnh trích đo địa
chính thửa đất do Trung tâm Phát
triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực
hiện



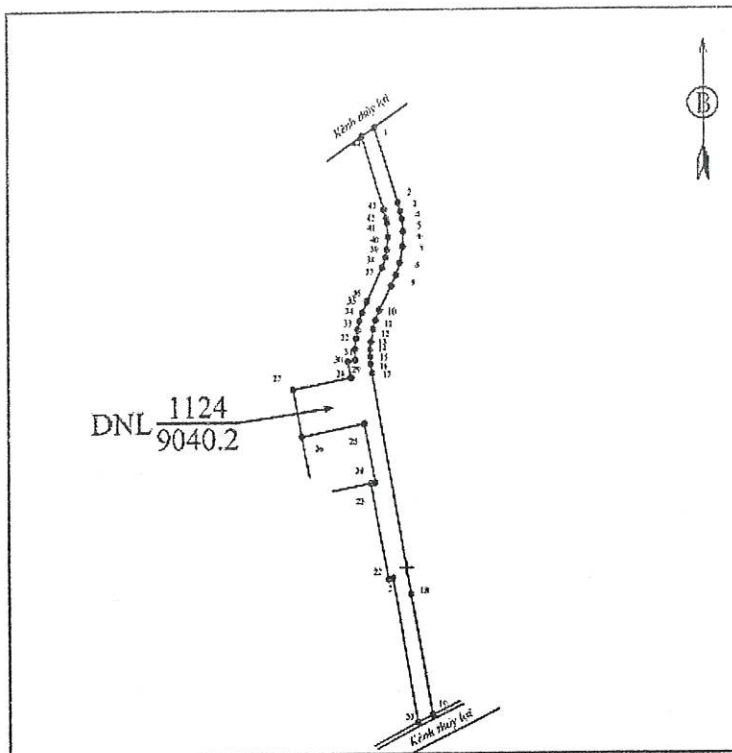
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 2798 /QĐ-UBND ngày 20 / 10 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 1124, tờ bản đồ địa chính số 05, diện tích 9.040,2 m² đất.

Loại đất: Đất công trình năng lượng (DNL).

Tọa lạc tại ấp Trà Teo, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.



STT	Tọa độ		Chiều dài(m)
	X (m)	Y (m)	
1	1042559.74	561173.77	64.64
2	1042498.22	561193.61	7.90
3	1042490.64	561195.83	5.97
4	1042484.79	561197.05	10.57
5	1042474.28	561198.16	12.17
6	1042462.11	561197.77	13.65
7	1042448.70	561195.22	10.49
8	1042438.79	561191.79	9.68
9	1042430.05	561187.61	22.03
10	1042410.38	561177.69	8.91
11	1042402.16	561174.25	7.50
12	1042394.99	561172.05	10.56
13	1042384.62	561170.07	6.03
14	1042378.61	561169.54	6.01
15	1042372.60	561169.44	5.98
16	1042366.63	561169.78	

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Scan vẽ theo Mảnh trích đo địa chính thửa đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực hiện

Thửa đất số 1124, tờ bản đồ địa chính số 05, diện tích 9.040,2 m² đất.

STT	Tọa độ		Chiều dài(m)
	X (m)	Y (m)	
17	1042359.30	561170.79	7.40
18	1042178.65	561203.94	183.66
19	1042080.46	561221.28	99.71
20	1042074.27	561209.18	13.60
21	1042191.51	561188.36	119.08
22	1042190.76	561184.44	4.00
23	1042269.19	561169.37	79.87
24	1042269.94	561173.29	4.00
25	1042318.02	561164.06	48.95
26	1042307.74	561110.53	54.50
27	1042346.08	561103.17	39.04
28	1042355.61	561152.76	50.50
29	1042368.78	561150.23	13.41
30	1042369.99	561156.52	6.40
31	1042378.72	561156.53	8.73
32	1042387.48	561157.33	8.80
33	1042394.43	561158.56	7.06
34	1042401.28	561160.30	7.06
35	1042407.96	561162.52	7.04
36	1042417.60	561166.75	10.53
37	1042444.97	561180.27	30.52
38	1042453.40	561183.02	8.86
39	1042459.66	561184.33	6.40
40	1042469.89	561185.22	10.27
41	1042481.35	561184.43	11.49
42	1042485.09	561183.76	3.79
43	1042492.31	561181.86	7.47
44	1042552.26	561162.53	62.99
1	1042559.74	561173.77	13.51



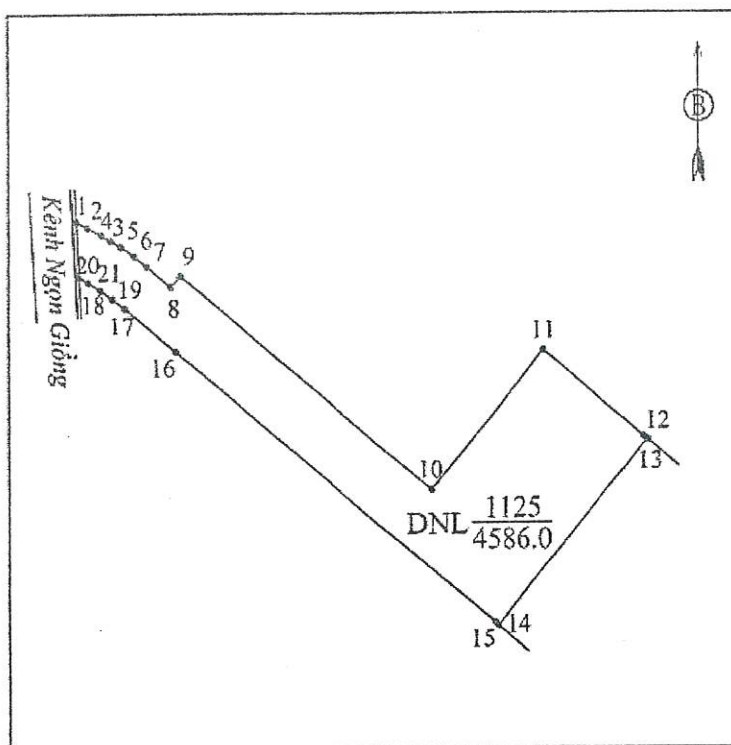
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 2798 /QĐ-UBND ngày 20/ 10 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 1125, tờ bản đồ địa chính số 05, diện tích 4.586 m² đất.

Loại đất: Đất công trình năng lượng (DNL).

Tọa lạc tại ấp Hòa Khởi, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.



STT	Tọa độ		Chiều dài(m)
	X (m)	Y (m)	
1	1041327.43	560016.79	3.97
2	1041325.78	560020.41	4.64
3	1041323.63	560024.52	3.10
4	1041322.07	560027.19	3.09
5	1041320.41	560029.80	4.63
6	1041317.75	560033.60	4.60
7	1041314.90	560037.21	9.17
8	1041309.03	560044.25	4.00
9	1041312.10	560046.81	93.28
10	1041252.33	560118.43	50.50
11	1041291.11	560150.79	37.50
12	1041267.08	560179.58	1.49
13	1041266.13	560180.72	67.50
14	1041214.30	560137.47	1.49
15	1041215.26	560136.33	118.37
16	1041291.10	560045.45	18.98
17	1041303.26	560030.88	4.18
18	1041305.84	560027.59	4.19
19	1041308.22	560024.15	4.19
20	1041310.40	560020.56	3.31
21	1041311.96	560017.64	15.49
1	1041327.43	560016.79	

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Scan vẽ theo Mẫu trích đo địa
chính thửa đất do Trung tâm Phát
triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực
hiện



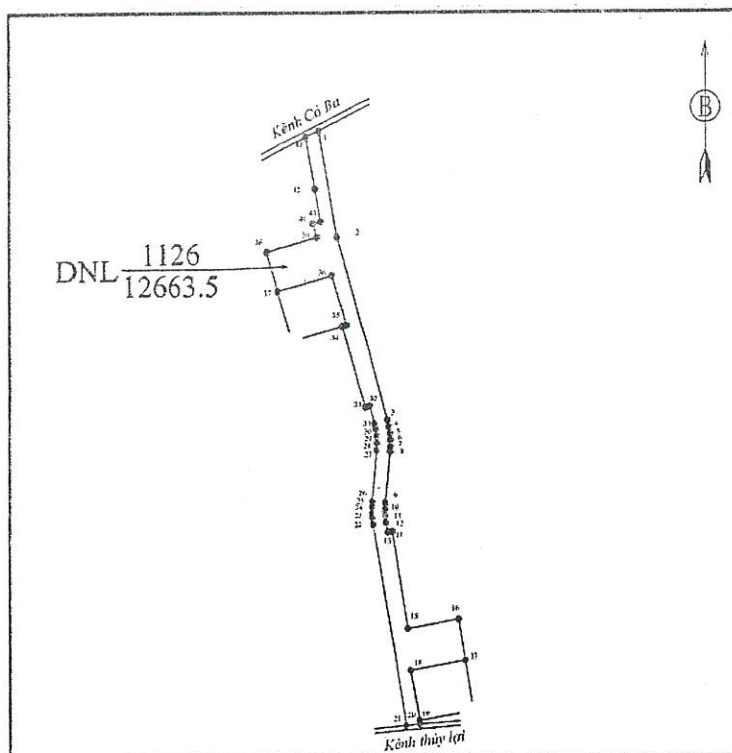
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 20/10/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 1126, tờ bản đồ địa chính số 05, diện tích 12.663,5 m² đất.

Loại đất: Đất công trình năng lượng (DNL).

Tọa lạc tại ấp Trà Teo, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.



STT	Tọa độ		Chiều dài(m)
	X (m)	Y (m)	
1	1042057.76	561225.29	101.82
2	1041957.49	561243.00	180.68
3	1041783.32	561291.08	6.29
4	1041777.19	561292.52	6.36
5	1041770.91	561293.50	6.37
6	1041764.56	561294.00	6.35
7	1041758.21	561294.01	4.70
8	1041753.52	561293.70	49.12
9	1041704.61	561289.09	6.67
10	1041697.95	561288.77	5.30
11	1041692.66	561288.98	6.61
12	1041686.09	561289.79	9.50
13	1041676.73	561291.41	4.00
14	1041677.41	561295.35	93.28
15	1041585.48	561311.20	50.50
16	1041594.06	561360.96	

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Scan vẽ theo Mẫu trích đo địa
chính thửa đất do Trung tâm Phát
triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực
hiện

Thửa đất số 1126, tờ bản đồ địa chính số 05, diện tích 12.663,5 m² đất.

STT	Tọa độ		Chiều dài(m)
	X (m)	Y (m)	
17	1041555.14	561367.67	39.50
18	1041545.88	561313.97	54.49
19	1041498.09	561322.21	48.50
20	1041494.53	561322.82	3.61
21	1041493.47	561309.81	13.05
22	1041683.90	561276.98	193.23
23	1041690.10	561276.15	6.26
24	1041694.80	561275.83	4.71
25	1041701.09	561275.83	6.28
26	1041705.78	561276.14	4.70
27	1041754.68	561280.75	49.12
28	1041761.37	561281.07	6.69
29	1041768.07	561280.73	6.71
30	1041774.70	561279.77	6.70
31	1041779.90	561278.54	5.34
32	1041796.86	561273.86	17.60
33	1041795.68	561269.75	4.28
34	1041872.45	561247.70	79.87
35	1041873.55	561251.55	4.00
36	1041920.65	561238.02	49.00
37	1041905.61	561185.64	54.50
38	1041943.09	561174.87	39.00
39	1041957.03	561223.41	50.50
40	1041969.92	561219.71	13.41
41	1041972.08	561227.22	7.81
42	1042002.66	561221.82	31.06
43	1042051.70	561213.16	49.80
1	1042057.76	561225.29	13.56



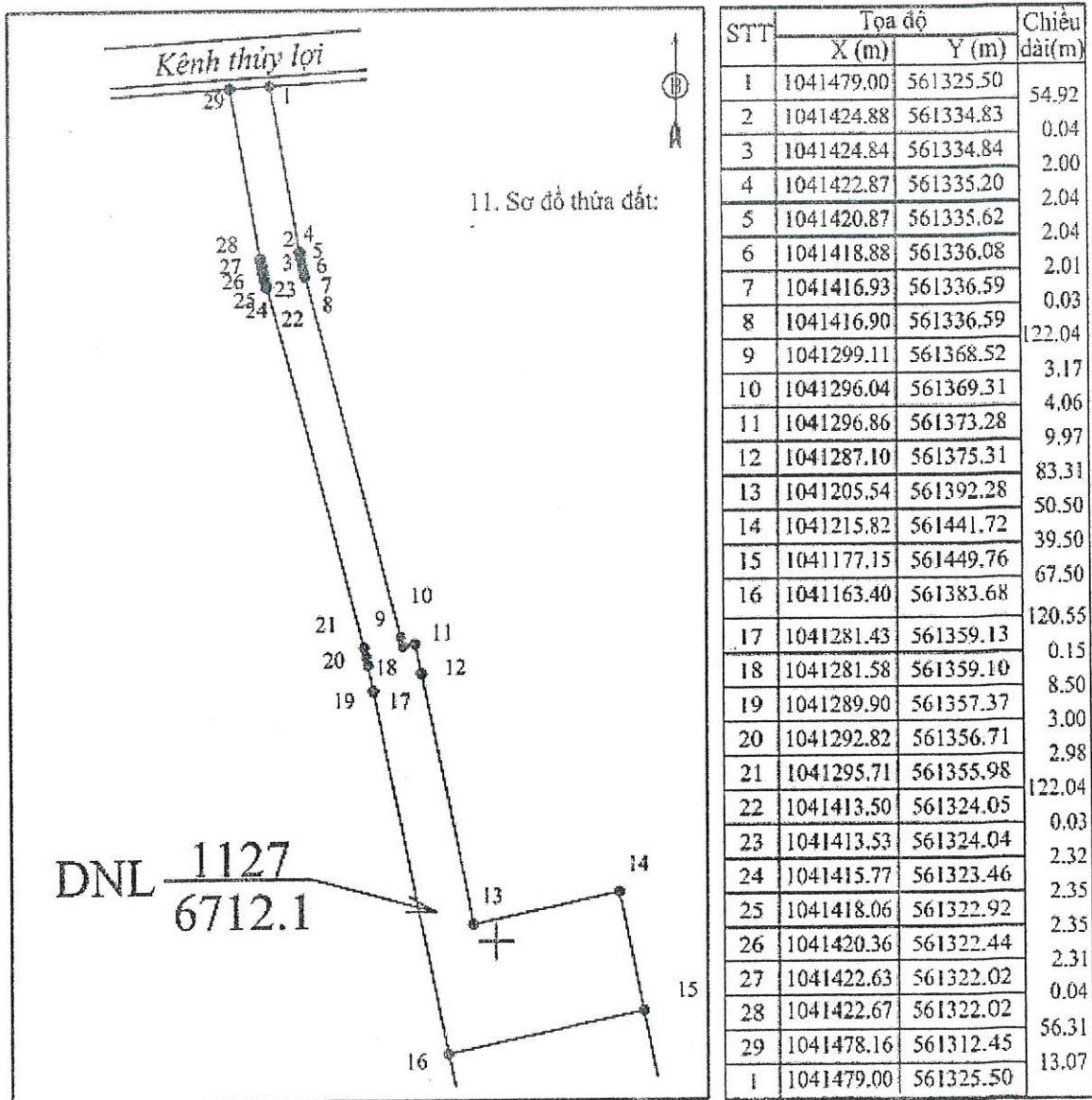
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 2798 /QĐ-UBND ngày 20 / 10 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 1127, tờ bản đồ địa chính số 05, diện tích 6.712,1 m² đất.

Loại đất: Đất công trình năng lượng (DNL).

Tọa lạc tại ấp Trà Teo, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.



UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Scan vẽ theo Mẫu trích đo địa
chính thửa đất do Trung tâm Phát
triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực
hiện



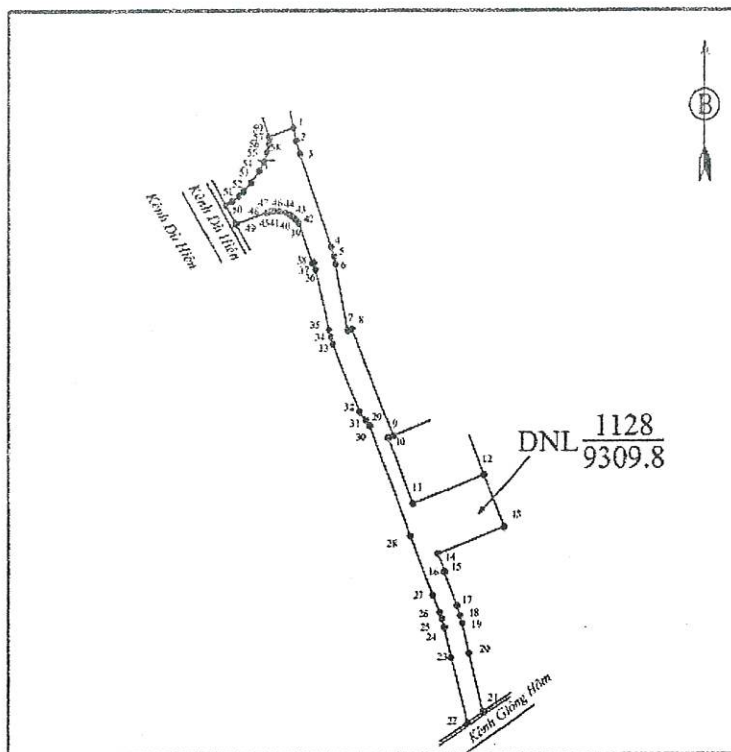
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 2798 /QĐ-UBND ngày 20/ 10 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 1128, tờ bản đồ địa chính số 05, diện tích 9.309,8 m² đất.

Loại đất: Đất công trình năng lượng (DNL).

Tọa lạc tại ấp Giầy Lãng, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.



STT	Tọa độ		Chiều dài(m)
	X (m)	Y (m)	
1	1043022.69	561019.42	9.36
2	1043013.56	561021.45	9.38
3	1043004.60	561024.24	68.28
4	1042940.30	561047.21	7.02
5	1042933.59	561049.29	5.31
6	1042928.42	561050.48	47.26
7	1042882.08	561059.70	3.30
8	1042883.29	561062.77	79.87
9	1042809.01	561092.13	4.00
10	1042807.54	561088.41	49.00
11	1042761.97	561106.42	54.50
12	1042782.01	561157.11	39.00
13	1042745.74	561171.44	50.50
14	1042727.18	561124.48	13.41
15	1042714.70	561129.41	1.00
16	1042714.34	561128.48	

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Scan vẽ theo Mảnh trích đo địa chính
thửa đất do Trung tâm Phát triển quỹ
đất tỉnh Sóc Trăng thực hiện

1

STT	Tọa độ		Chiều dài(m)
	X (m)	Y (m)	
17	1042690.91	561137.74	25.19
18	1042683.96	561140.14	7.35
19	1042678.59	561141.53	5.54
20	1042657.48	561146.29	21.64
21	1042617.02	561156.83	41.81
22	1042609.36	561145.39	13.77
23	1042654.42	561133.65	46.56
24	1042675.79	561128.84	21.91
25	1042681.75	561127.22	6.18
26	1042686.16	561125.64	4.69
27	1042698.35	561120.82	13.11
28	1042739.59	561104.47	44.36
29	1042815.87	561075.56	81.58
30	1042816.42	561075.35	0.58
31	1042819.78	561072.82	4.21
32	1042825.73	561068.33	7.45
33	1042872.62	561048.66	50.84
34	1042877.54	561047.00	5.20
35	1042882.56	561045.66	5.20
36	1042924.37	561035.84	42.94
37	1042929.29	561034.49	5.11
38	1042928.85	561033.25	1.32
39	1042956.36	561023.42	29.21
40	1042958.97	561021.28	3.38
41	1042960.84	561019.18	2.81
42	1042962.44	561016.78	2.88
43	1042963.68	561014.13	2.92
44	1042964.90	561009.16	5.12
45	1042964.94	561005.22	3.94
46	1042964.51	561002.47	2.78
47	1042963.85	561000.22	2.35
48	1042956.21	560978.86	22.68
49	1042968.86	560971.83	14.47
50	1042971.64	560976.06	5.06
51	1042975.26	560980.68	5.87
52	1042978.48	560984.16	4.74
53	1042984.75	560989.69	8.36

[illegible]



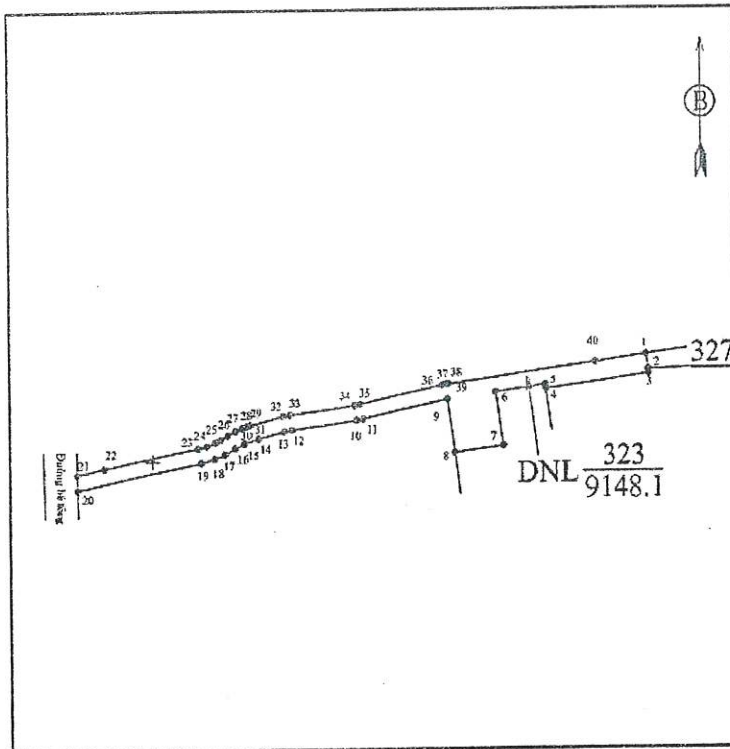
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 20 / 10 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 323, tờ bản đồ địa chính số 08, diện tích 9.148,1 m² đất.

Loại đất: Đất công trình năng lượng (DNL).

Tọa lạc tại ấp Càng Bưởi, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.



STT	Tọa độ		Chiều dài(m)
	X (m)	Y (m)	
1	1040489.92	559241.69	13.33
2	1040476.72	559243.53	3.67
3	1040473.08	559244.04	93.28
4	1040460.23	559151.65	4.00
5	1040464.20	559151.10	45.20
6	1040457.97	559106.33	46.50
7	1040411.91	559112.73	42.80
8	1040406.02	559070.34	46.43
9	1040452.01	559063.94	77.80
10	1040435.58	558987.90	6.42
11	1040434.47	558981.57	58.27
12	1040426.60	558923.83	7.08
13	1040425.29	558916.87	25.08
14	1040419.40	558892.49	13.18
15	1040415.26	558879.98	9.12
16	1040411.08	558871.87	

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Scan vẽ theo Mảnh trích đo địa
chính thửa đất do Trung tâm Phát
triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực
hiện

Thửa đất số 323, tờ bản đồ địa chính số 08, diện tích 9.148,1 m² đất.

STT	Tọa độ		Chiều dài(m)
	X (m)	Y (m)	
17	1040405.64	558862.48	10.85
18	1040401.89	558853.86	9.40
19	1040398.47	558841.82	12.52
20	1040376.06	558732.48	111.61
21	1040389.26	558732.16	13.21
22	1040394.46	558757.53	25.90
23	1040411.21	558839.23	83.40
24	1040413.23	558846.87	7.90
25	1040416.11	558854.26	7.93
26	1040418.48	558858.98	5.28
27	1040422.22	558865.17	7.24
28	1040425.89	558871.97	7.72
29	1040428.36	558877.64	6.19
30	1040429.94	558882.00	4.64
31	1040430.85	558884.95	3.09
32	1040438.39	558915.84	31.80
33	1040439.47	558922.02	6.27
34	1040447.35	558979.80	58.31
35	1040448.29	558985.15	5.43
36	1040464.30	559059.12	75.68
37	1040464.71	559061.14	2.06
38	1040465.07	559063.18	2.07
39	1040465.38	559065.22	2.06
40	1040483.34	559194.37	130.40
1	1040489.92	559241.69	47.78



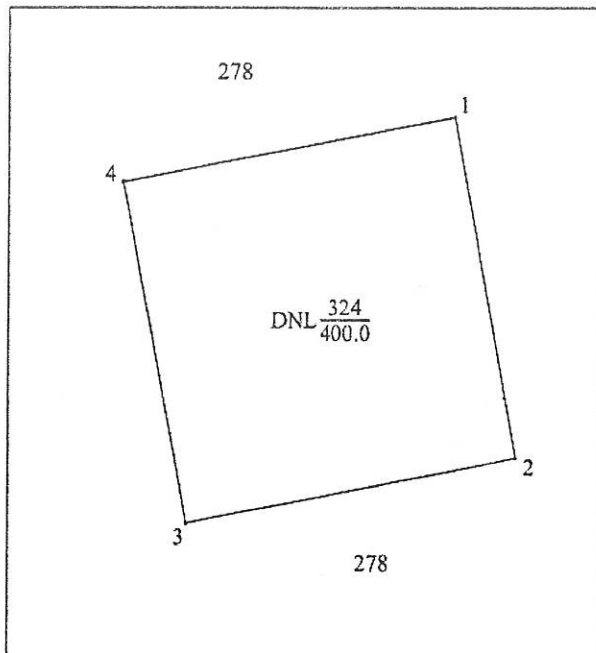
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 20 / 10 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 324, tờ bản đồ địa chính số 08, diện tích 400 m² đất.

Loại đất: Đất công trình năng lượng (DNL).

Tọa lạc tại ấp Lãm Thiết, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.



TT	Tọa độ		S (m)
	X (m)	Y (m)	
1	1040140.85	559143.55	20.00
2	1040121.21	559147.31	20.00
3	1040117.45	559127.67	20.00
4	1040137.09	559123.91	20.00
1	1040140.85	559143.55	20.00

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Scan vẽ theo Mảnh trích đo địa
chính thửa đất do Trung tâm Phát
triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực
hiện



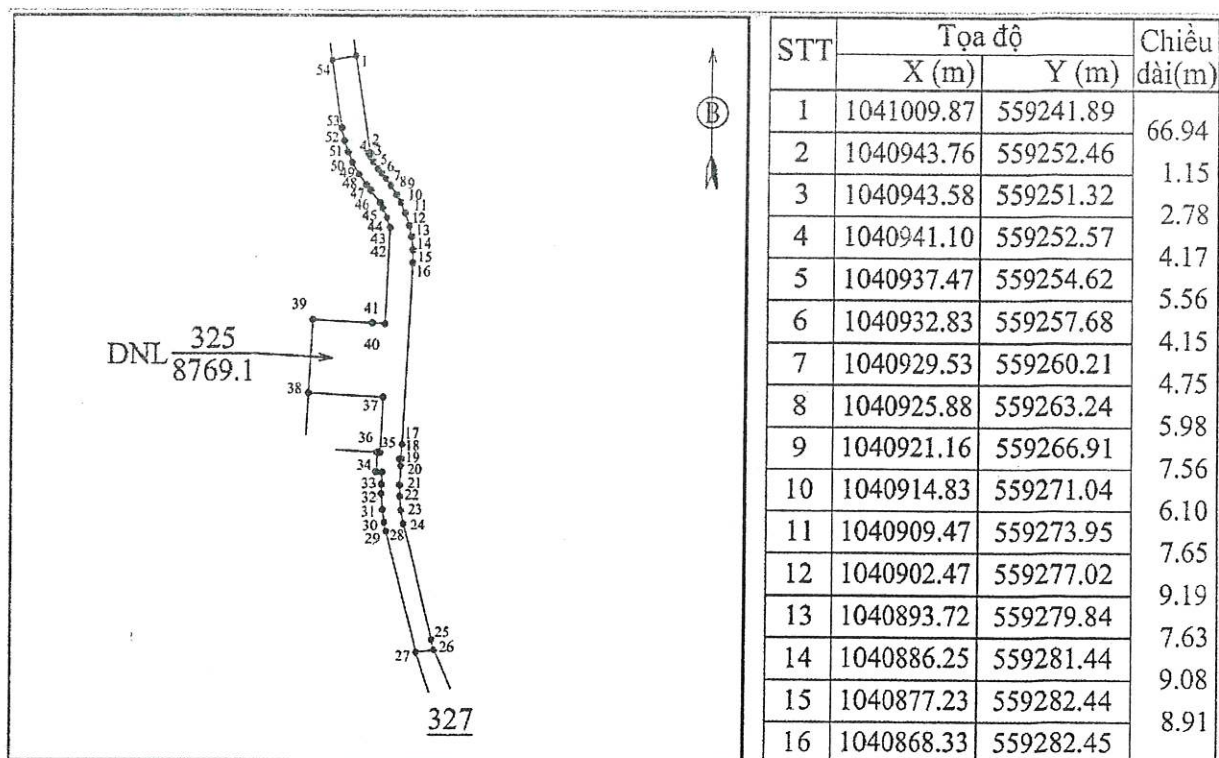
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 2798 /QĐ-UBND ngày 20 / 10 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 325, tờ bản đồ địa chính số 08, diện tích 8.769,1 m² đất.

Loại đất: Đất công trình năng lượng (DNL).

Tọa lạc tại ấp Càng Buổi, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.



UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Scan vẽ theo Mẫu trích đo địa
chính thửa đất do Trung tâm Phát
triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực
hiện

Thửa đất số 325, tờ bản đồ địa chính số 08, diện tích 8.769,1 m² đất.

STT	Tọa độ		Chiều dài(m)
	X (m)	Y (m)	
17	1040744.55	559275.95	123.94
18	1040734.54	559275.43	10.03
19	1040734.33	559274.18	1.26
20	1040729.80	559275.18	4.64
21	1040716.75	559274.52	13.06
22	1040709.09	559274.56	7.66
23	1040699.54	559275.43	9.59
24	1040690.13	559277.22	9.57
25	1040611.07	559297.76	81.69
26	1040604.28	559299.83	7.10
27	1040602.57	559286.70	13.25
28	1040685.01	559265.10	85.23
29	1040691.32	559263.65	6.48
30	1040699.88	559262.28	8.67
31	1040710.69	559261.49	10.84
32	1040717.18	559261.52	6.49
33	1040725.56	559261.94	8.39
34	1040725.77	559257.95	4.00
35	1040739.16	559258.65	13.41
36	1040739.07	559260.26	1.61
37	1040777.02	559262.25	38.00
38	1040779.75	559210.21	52.11
39	1040829.68	559212.83	50.00
40	1040827.48	559254.93	42.15
41	1040827.04	559263.26	8.35
42	1040892.48	559266.70	65.53
43	1040899.26	559264.27	7.20
44	1040905.83	559261.20	7.25
45	1040909.27	559259.22	3.96
46	1040917.80	559253.06	10.52
47	1040921.45	559250.02	4.75
48	1040928.93	559244.62	9.23
49	1040937.05	559240.04	9.32
50	1040944.19	559236.93	7.79
51	1040951.57	559234.51	7.77
52	1040960.57	559232.55	9.21
53	1040960.61	559232.55	0.04

[illegible]



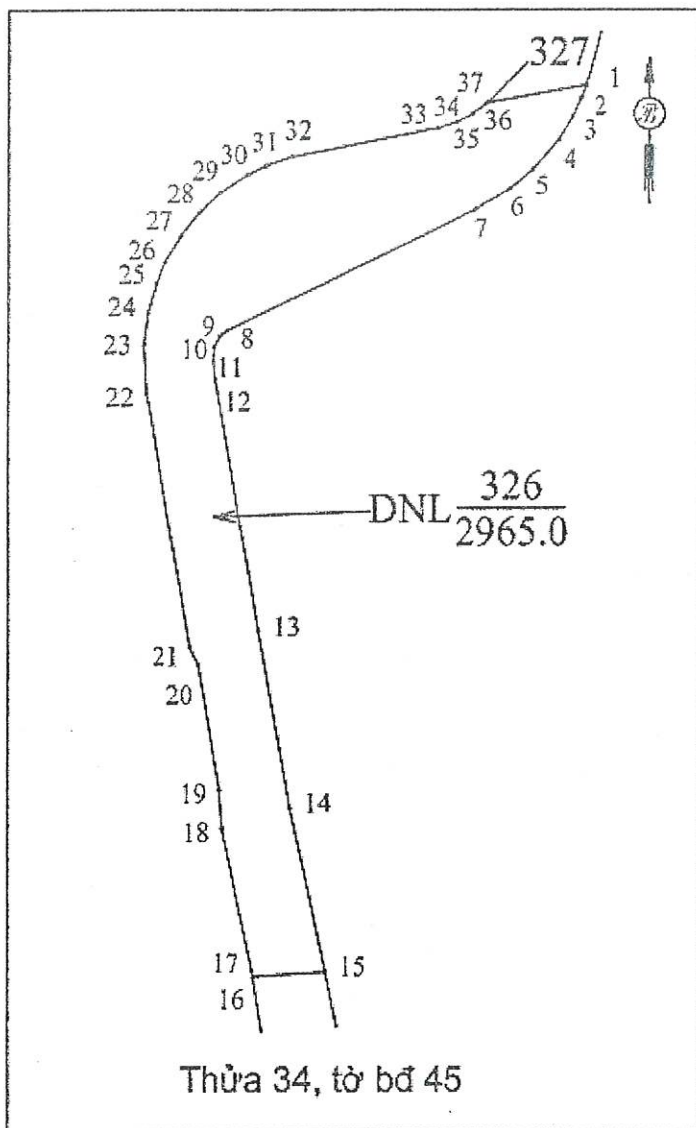
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 20/10/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 326, tờ bản đồ địa chính số 08, diện tích 2.965 m² đất.

Loại đất: Đất công trình năng lượng (DNL).

Tọa lạc tại ấp Lầm Thiết, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.



TT	Tọa độ		S (m)
	X (m)	Y (m)	
1	1040201.66	559408.15	
2	1040199.38	559407.28	2.44
3	1040196.17	559405.75	3.55
4	1040191.95	559403.13	4.96
5	1040186.66	559398.58	6.98
6	1040183.16	559394.42	5.44
7	1040179.51	559388.25	7.16
8	1040158.10	559342.98	50.08
9	1040157.17	559341.71	1.57
10	1040155.27	559340.64	1.57
11	1040152.75	559340.48	2.18
12	1040149.43	559340.84	2.52
13	1040104.95	559348.82	3.34
14	1040073.53	559354.58	45.20
15	1040044.74	559360.94	31.93
16	1040043.91	559347.88	29.49
17	1040044.87	559347.72	13.08
18	1040070.01	559342.19	0.97
19	1040076.76	559341.74	6.77
20	1040099.06	559337.69	22.66
21	1040102.29	559336.09	3.61
22	1040147.13	559328.04	45.57
23	1040155.62	559327.52	8.50
24	1040161.36	559328.31	5.80
25	1040166.45	559329.81	5.31
26	1040170.16	559331.45	4.05
27	1040174.81	559334.28	5.44
28	1040178.98	559337.76	5.43
29	1040182.55	559341.76	5.37
30	1040185.74	559346.71	5.89
31	1040187.37	559350.15	3.81
32	1040188.91	559354.80	4.89
33	1040194.07	559381.33	27.03
34	1040195.07	559384.82	3.63
35	1040196.44	559387.65	3.14
36	1040198.30	559390.32	3.26
37	1040198.49	559390.54	0.29
1	1040201.66	559408.15	17.89

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Scan vẽ theo Mảnh trích đo địa
chính thửa đất do Trung tâm Phát
triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực
hiện



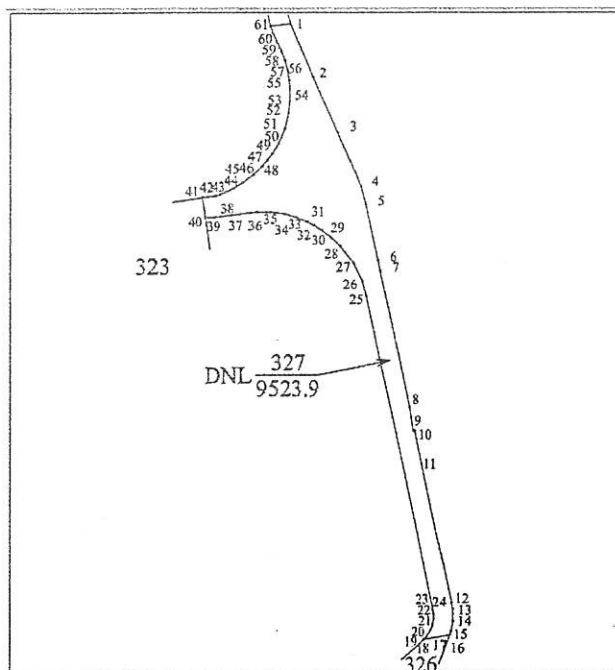
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 2798 /QĐ-UBND ngày 20/ 10 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 327, tờ bản đồ địa chính số 08, diện tích 9.523,9 m² đất.

Loại đất: Đất công trình năng lượng (DNL).

Tọa lạc tại ấp Càng Buổi, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.



TT	Tọa độ		S (m)
	X (m)	Y (m)	
1	1040604.28	559299.83	
2	1040569.12	559315.36	38.44
3	1040532.64	559331.79	40.01
4	1040497.40	559346.89	38.34
5	1040485.46	559350.29	12.41
6	1040448.86	559358.53	37.52
7	1040441.91	559360.10	7.13
8	1040352.22	559380.26	91.93
9	1040328.29	559385.63	24.52
10	1040315.10	559388.60	13.52
11	1040222.76	559409.36	94.65
12	1040218.96	559410.01	3.86
13	1040215.66	559410.27	3.31
14	1040210.91	559410.14	4.75
15	1040206.79	559409.55	4.16
16	1040204.06	559408.90	2.81
17	1040201.66	559408.15	2.51
			17.89

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Scan vẽ theo Mảnh trích đo địa
chính thửa đất do Trung tâm Phát
triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực
hiện

Thửa đất số 327, tờ bản đồ địa chính số 08, diện tích 9.523,9 m² đất.

TT	Tọa độ		S (m)
	X (m)	Y (m)	
18	1040198.49	559390.54	3.81
19	1040201.22	559393.19	4.13
20	1040204.70	559395.42	3.72
21	1040208.16	559396.78	4.32
22	1040212.41	559397.53	3.09
23	1040215.51	559397.49	2.62
24	1040218.10	559397.08	212.99
25	1040425.90	559350.37	9.32
26	1040434.84	559347.72	13.46
27	1040446.95	559341.86	14.02
28	1040458.13	559333.41	7.80
29	1040463.55	559327.79	7.85
30	1040468.34	559321.57	6.54
31	1040471.77	559316.00	5.21
32	1040474.13	559311.35	7.75
33	1040476.97	559304.14	8.88
34	1040479.23	559295.56	8.65
35	1040480.37	559286.98	9.53
36	1040480.39	559277.45	23.38
37	1040477.46	559254.25	4.62
38	1040477.01	559249.65	6.12
39	1040476.72	559243.53	13.33
40	1040489.92	559241.69	8.99
41	1040491.19	559250.60	3.70
42	1040492.08	559254.19	4.00
43	1040493.57	559257.89	5.78
44	1040496.13	559263.08	7.17
45	1040499.89	559269.18	8.64
46	1040505.22	559275.98	7.61
47	1040510.57	559281.39	5.16
48	1040514.52	559284.71	5.21
49	1040518.75	559287.76	7.88
50	1040525.55	559291.75	10.56
51	1040535.27	559295.86	10.51
52	1040545.45	559298.45	7.78
53	1040553.18	559299.37	7.64
54	1040560.82	559299.43	6.03
55	1040566.82	559298.90	7.49
56	1040574.18	559297.52	5.89
57	1040579.83	559295.88	6.81
58	1040586.18	559293.41	6.92

TT	Tọa độ		S (m)
	X (m)	Y (m)	
59	1040592.49	559290.56	6.06
60	1040598.09	559288.25	4.74
61	1040602.57	559286.70	13.25
1	1040604.28	559299.83	



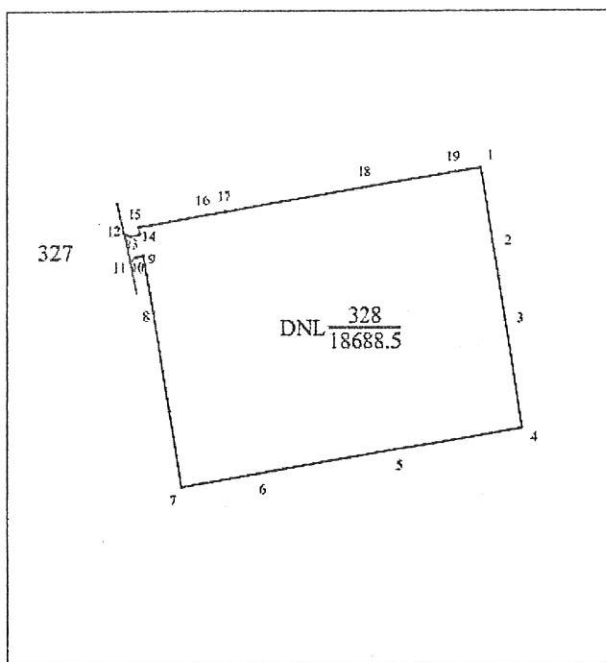
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 2798 /QĐ-UBND ngày 20/ 10 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 328, tờ bản đồ địa chính số 08, diện tích 18.688,5 m² đất.

Loại đất: Đất công trình năng lượng (DNL).

Tọa lạc tại ấp Lầm Thiệt, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.



TT	Tọa độ		S (m)
	X (m)	Y (m)	
1	1040357.24	559548.85	34.15
2	1040323.57	559554.51	34.95
3	1040289.10	559560.30	48.43
4	1040241.34	559568.33	57.46
5	1040231.82	559511.66	64.09
6	1040221.19	559448.46	36.84
7	1040215.08	559412.13	80.23
8	1040294.21	559398.85	24.45
9	1040318.32	559394.80	4.26
10	1040317.38	559390.65	3.07
11	1040315.10	559388.60	13.52
12	1040328.29	559385.63	3.25
13	1040326.81	559388.53	4.79
14	1040327.93	559393.19	3.13
15	1040331.02	559392.67	30.52
16	1040336.07	559422.77	9.91
17	1040337.72	559432.55	66.29
18	1040348.69	559497.92	40.07
19	1040355.32	559537.44	11.57
1	1040357.24	559548.85	

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Scan vẽ theo Mảnh trích đo địa
chính thửa đất do Trung tâm Phát
triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực
hiện



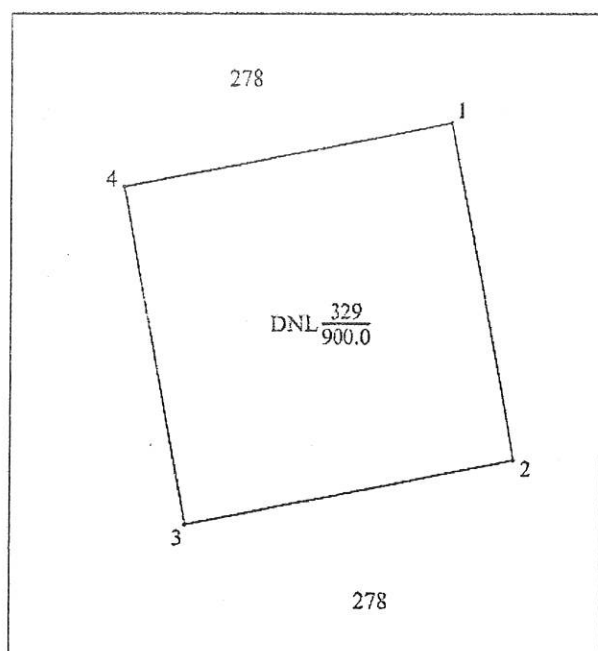
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 2798 /QĐ-UBND ngày 20 / 10 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 329, tờ bản đồ địa chính số 08, diện tích 900 m² đất.

Loại đất: Đất công trình năng lượng (DNL).

Tọa lạc tại ấp Lầm Thiệt, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.



TT	Tọa độ		S (m)
	X (m)	Y (m)	
1	1040214.80	559502.96	30.00
2	1040185.34	559508.60	
3	1040179.70	559479.13	
4	1040209.16	559473.49	
1	1040214.80	559502.96	30.00

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Scan vẽ theo Mảnh trích đo địa
chính thửa đất do Trung tâm Phát
triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực
hiện